



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

VỮNG VÀNG
THÍCH ỨNG
VƯỢT SÓNG
VƯƠN XA





MỤC LỤC

- 6 - Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị văn hóa
- 8 - Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Chương

01

GIỚI THIỆU TỔNG QUẢN NAFOODS GROUP

- 12 - Thông tin tổng quan
- 14 - Vị thế và Các giải thưởng
- 16 - Lịch sử hình thành và Phát triển
- 18 - Danh mục sản phẩm
- 22 - Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh
- 28 - Mục tiêu, định hướng phát triển
- 34 - Chỉ số tài chính chủ yếu

Chương

02

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

- 38 - Mô hình quản trị
- 40 - Công ty con, công ty liên kết
- 42 - Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 48 - Giới thiệu Ban Điều hành
- 52 - Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

Chương

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- 56 - Tổ chức và nhân sự
- 64 - Báo cáo của Ban điều hành
- 74 - Báo cáo của HĐQT
- 80 - Báo cáo của Ủy ban kiểm toán

Chương

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 86 - Trách nhiệm của HĐQT
- 90 - Môi trường kiểm soát
- 91 - Công bố thông tin và Minh bạch
- 91 - Các quyền của Cổ đông
- 92 - Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan

Chương

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 98 - Mục tiêu chung
- 98 - Bảo vệ môi trường
- 102 - Lao động và điều kiện làm việc
- 105 - Trách nhiệm với sản phẩm
- 106 - Hỗ trợ phát triển cộng đồng
- 107 - Phát triển kinh tế địa phương

Chương

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 114 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 116 - Báo cáo kiểm toán độc lập
- 118 - Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 121 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 122 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 124 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

DANH MỤC VIẾT TẮT

BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CFO	Giám đốc tài chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CRM (Customer Relationship Management)	Quản lý quan hệ khách hàng
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ERP (Enterprise Resource Planning)	Hệ thống hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp
GD	Giai đoạn
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị
HR (Human Resources)	Hành chính nhân sự
HTX	Hợp tác xã
IFC (International Finance Corporation)	Tổ chức tài chính quốc tế
IQF (Individual Quick Frozen)	Cấp đông nhanh từng cá thể
IR (Investor Relations)	Quan hệ nhà đầu tư
MTV	Một thành viên
NCC	Nhà cung cấp
NFG	Nafoods Group
P.TGD	Phó tổng giám đốc
R&D (Research & Development)	Nghiên cứu & phát triển
TGD, CEO	Tổng Giám đốc
TMĐT	Thương mại điện tử
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VTNN	Vật tư nông nghiệp
WBG (World Bank Group)	Nhóm Ngân hàng thế giới





TẦM NHÌN

“ Là tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững. ”

SỨ MỆNH

“ Cung cấp cho thế giới các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn và đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là cho người nông dân. ”



GIÁ TRỊ VĂN HÓA



BỀN VỮNG

Chúng tôi kiên định phát triển Công ty theo chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững từ khâu sản xuất, chế biến đến bán hàng. Từ đó đem đến cuộc sống hạnh phúc, cân bằng và giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động, bà con nông dân.



CHẤT LƯỢNG

Chúng tôi cam kết cung cấp sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất, chủ động nghiên cứu và cải tiến sản phẩm, phát triển sản phẩm mới tăng giá trị gia tăng cho khách hàng. Luôn chịu trách nhiệm với chất lượng sản phẩm trong thời hạn sử dụng cam kết.



HỌC HỎI - CHIA SẺ

Chúng tôi kiến tạo nét văn hóa học tập hiệu quả với tinh thần sẵn sàng chia sẻ và học hỏi, cả người cho và người nhận đều được nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn. Chúng tôi tin rằng, với một tinh thần sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và truyền cảm hứng cho người khác, bất kỳ ai cũng có thể là giảng viên nội bộ; Và chỉ cần sẵn sàng học hỏi, lắng nghe, có tinh thần xây dựng và tính cầu thị thì môi trường làm việc nội bộ là giảng đường học tập tốt nhất cho bất kỳ ai.



TRUNG THÀNH

Chúng tôi giữ trọn niềm tin và tình cảm gắn bó với sự chính trực và trách nhiệm, luôn Trung thành với Tầm nhìn, Sứ mệnh, Văn hóa của Nafoods Group, với đội ngũ Nafoods Group, với khách hàng, cổ đông và bà con Nông dân.



HIỆU QUẢ

Chúng tôi làm việc với 100% năng lực của mình để hoàn thành xuất sắc công việc, đem đến kết quả tốt nhất cho Phòng, Ban và Công ty, đồng thời sử dụng thời gian và các công cụ một cách ưu việt nhất để đạt được mục tiêu đề ra.



CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi tuân thủ kỷ luật, tuân thủ các quy trình, chín chu từ việc nhỏ nhất đến lớn nhất một cách hoàn mỹ, đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả nhằm đem lại sự hài lòng cho nhân viên, khách hàng, cổ đông và mọi người.



CAM KẾT

Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình cho đến khi thành công, cam kết luôn luôn gắn bó với Tầm nhìn, Sứ mệnh và giá trị văn hóa của Nafoods Group, với đội ngũ và khách hàng của Nafoods Group.



KHÁT VỌNG

Chúng tôi làm việc với niềm đam mê với chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh, bền vững của Nafoods Group; khát vọng khẳng định mình và góp phần xây dựng một Nafoods Group trường tồn và phát triển.



SÁNG TẠO

Chúng tôi luôn tư duy sáng tạo và phát triển không ngừng nhằm tìm tòi và học hỏi để tìm ra ý tưởng mới, sản phẩm mới, cách giải quyết tốt nhất để đạt được hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp.





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Năm 2021 - một năm kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức. Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp với nhiều biến chủng mới, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu. Trong bối cảnh đó, với thông điệp xuyên suốt: **“Hiệu quả - Quản trị - Số hoá”**, hệ thống Nafoods Group vẫn vững vàng vượt qua thử thách, hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng, khẳng định thương hiệu, vị thế ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất toàn hệ thống năm 2021 đạt 1,614.7 tỷ đồng, tăng 34.3% so với năm trước, vượt 7.6% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao phó. Lợi nhuận sau thuế đạt 77.6 tỷ đồng, tăng 26.6% so với năm trước, vượt 2.1% kế hoạch. Các hoạt động kinh doanh, phát triển ngành hàng, thị trường, cung ứng, vận hành sản xuất diễn ra linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho 100% người lao động. Đội ngũ nhân sự vận hành chủ chốt cho mảng nông nghiệp cơ bản được hoàn thiện, đảm bảo tính kế thừa và sự vận hành ổn định của hệ thống. Công tác số hoá, ứng dụng công nghệ thông tin được đầu tư bài bản. Quá trình chuyển đổi số giai đoạn 1 với các dữ liệu vận hành phục vụ ra quyết định hàng ngày cơ bản được hoàn tất, giúp đảm bảo các quy trình, hoạt động không bị gián đoạn, tạm ngưng trong mọi hoàn cảnh.

Nhìn lại chặng đường đã qua, trước áp lực cạnh tranh khốc liệt, yêu cầu ngày một khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng của thị trường, xu hướng tiêu dùng không ngừng thay đổi của khách hàng, và đặc biệt là những khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, môi trường kinh doanh biến động trong những năm gần đây; đòi hỏi hệ thống quản trị và vận hành của Nafoods luôn phải sẵn sàng tinh thần **“THÍCH ỨNG - CHUYÊN NGHIỆP - HIỆU QUẢ”**. Chính tinh thần này, cùng với sự sát cánh, hỗ trợ của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên; đã giúp Nafoods vượt qua khó khăn, kiên định với mục tiêu, tầm nhìn, sứ mệnh; dẫn đầu định vị thế tiên phong trong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững.

Bước sang năm 2022, năm bản lề của giai đoạn 2022 - 2026, giai đoạn đánh dấu mốc 30 năm hình thành và phát triển của Nafoods. Trong giai đoạn này, môi trường kinh doanh tại Việt Nam cũng như toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục có những biến động lớn, cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Điều này chắc chắn sẽ là thách thức không nhỏ với bất kỳ doanh nghiệp nào. Tuy nhiên, với nền tảng phát triển hiện tại, Nafoods Group sẽ nhanh chóng thích ứng phù hợp để có thể chinh phục những mục tiêu cao hơn trong tương lai gần, mang lại những giá trị tốt đẹp cho tất cả mọi người, đặc biệt là bà con nông dân.

Nhân dịp này, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ sự trân trọng và cảm kích tới sự tin tưởng và gắn bó của Quý vị Cổ đông, các đối tác, khách hàng trong suốt thời gian qua. Trước mọi diễn biến thăng trầm của Nafoods, sự đồng hành của Quý vị là niềm cổ vũ lớn lao để Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên quyết tâm đưa Nafoods phát triển Chuyên nghiệp - Hiệu quả - Bền vững. Tôi cũng xin dành lời cảm ơn chân thành đến Ban Điều hành và toàn thể các cấp quản lý, cán bộ công nhân viên đã nỗ lực, cống hiến, giúp Công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021.

Cuối cùng, xin chúc tất cả Quý cổ đông, đối tác, khách hàng, bà con nông dân và toàn thể nhân viên Nafoods cùng gia đình an toàn, vượt qua đại dịch, dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Mạnh Hùng



GIỚI THIỆU TỔNG QUAN NAFOODS GROUP

01

- | Thông tin tổng quan
- | Vị thế và Giải thưởng
- | Lịch sử hình thành và Phát triển
- | Danh mục sản phẩm
- | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- | Mục tiêu, định hướng phát triển
- | Chỉ số tài chính chủ yếu





TỔNG QUAN VỀ NAFOODS GROUP

Tên giao dịch	— CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP
Tên tiếng Anh	— NAFOODS GROUP JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	— 2900326375
Vốn điều lệ	— 629,230,850,000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	— 62,923,085 cổ phiếu

Địa chỉ	— Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Số điện thoại	— 02383 853 322
Số fax	— 02383 853 322
Ngày thành lập	— 26/08/1995
Website	— www.nafoods.com
Mã cổ phiếu	— NAF



VỊ THẾ

1 

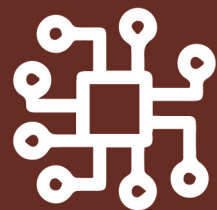
Xuất khẩu các sản phẩm chanh leo lớn nhất Châu Á

02 

Viện cây giống công nghệ cao mang thương hiệu Nafoods

06 

Chuỗi hệ thống nhà máy đạt chuẩn các chứng chỉ quốc tế

1 

Tiên phong trong việc số hóa chuỗi giá trị nông nghiệp

30.000 Ha 

Vùng nguyên liệu được truy xuất và quản lý

70 

Thị trường xuất khẩu và phân khúc thị trường linh hoạt

TOP 100 

Sao Vàng Đất Việt 2021

TOP 03 

Doanh nghiệp có hoạt động IR yêu thích nhất năm 2020

Doanh nghiệp phát triển bền vững 2018 

TOP 03 

Giải thưởng Sao vàng đất Việt 2018

GIẢI THƯỞNG

Chứng Nhận

Giống chanh leo mới do Nafoods chọn tạo:

Nafoods 1 Quế Phong 1 

TOP 05 

Doanh nghiệp có Báo cáo quản trị công ty tốt nhất 2019

Doanh nghiệp vì nhà nông 2018 



1995

- 26/8/1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Vinh – tiền thân của Công ty cổ phần Nafoods Group được thành lập, với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và phân phối nước giải khát.

2000

- Nghiên cứu Dự án Xây dựng Nhà máy chuyên sản xuất chế biến và xuất khẩu các sản phẩm rau quả.

2003

- Nhà máy chính thức đi vào hoạt động sau một năm xây dựng tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hệ thống dây chuyền máy móc đạt chuẩn Châu Âu với dây chuyền sản xuất nước ép trái cây là chủ lực.

2009

- Năm Nafoods mạnh mẽ thay đổi, tìm kiếm các cơ hội để thay đổi tình thế, vượt qua giai đoạn khó khăn. Đây cũng là năm công ty nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm mới: Chanh leo.

2020

Nhận 5 triệu USD từ Quỹ Finnfund (Phần Lan) để đầu tư vào hệ thống dây chuyền sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng tại nhà máy đặt tại Long An.

2015

- Niệm yết thành công và chính thức giao dịch cổ phiếu NAF trên sàn Hose. Năm ra quân mở rộng thị trường xuất khẩu và đánh dấu quay trở lại với thị trường nội địa với sản phẩm tiêu dùng Juice smile mang thương hiệu Nafoods.

2014

- Viện giống chanh leo công nghệ cao của công ty chính thức đi vào hoạt động, chủ động cung ứng giống cho vùng nguyên liệu công ty sở hữu và các vùng liên kết, trọn vẹn chuỗi giá trị khép kín mà Công ty theo đuổi.

2013

- Nafoods đầu tư thêm dây chuyền IQF, đa dạng sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đây cũng là năm song song giải quyết bài toán khủng hoảng chung toàn cầu bằng chiến lược rõ ràng.

2010

- Năm đánh dấu bước nhảy vọt về doanh thu xuất khẩu của công ty, từng bước vượt ra khỏi khó khăn với sản phẩm chủ đạo: Chanh leo.

2021

Hoàn tất chuyển đổi số giai đoạn 1 toàn tập đoàn, Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.

2016

- Hoàn thành dự án Viện giống Nafoods, khởi công xây dựng Tổ hợp sản xuất & chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An. Đạt danh hiệu TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.

2017

- Công suất viện giống ổn định, đạt 6 triệu cây giống/năm. Xuất khẩu thành công những lô hàng chanh leo quả tươi đầu tiên sang Châu Âu; đánh dấu bước ngoặt cho sản phẩm quả tươi. Năm thứ 2, Nafoods được ghi nhận danh hiệu TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững.

2018

- Khánh thành giai đoạn 1: Tổ hợp sản xuất & chế biến hoa quả xuất khẩu với tổng mức đầu tư gần 400 tỷ đồng gồm 02 hệ thống thiết bị, máy móc công nghệ Châu Âu: Dây chuyền nước ép và IQF.

2019

- Kêu gọi thành công 8 triệu USD vào cổ phiếu ưu đãi từ IFC – thành viên ngân hàng thế giới và gần 500.000 USD vốn đầu tư vào cổ phiếu phổ thông của Endurance Capital Viet Nam Limited.





NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC



NƯỚC ÉP TRÁI CÂY NFC/ PUREE



RAU CỦ QUẢ ĐÔNG LẠNH (IQF)



100% Nước Ép Cô Đặc FRUIT JUICE CONCENTRATE



TRÁI CÂY SẤY DẺO



HẠT DINH DƯỠNG



CÂY GIỐNG CHANH LEO





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nafoods Group hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép trái cây, sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, trái cây sấy, hạt dinh dưỡng, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

VÙNG NGUYÊN LIỆU

30.000+
ha

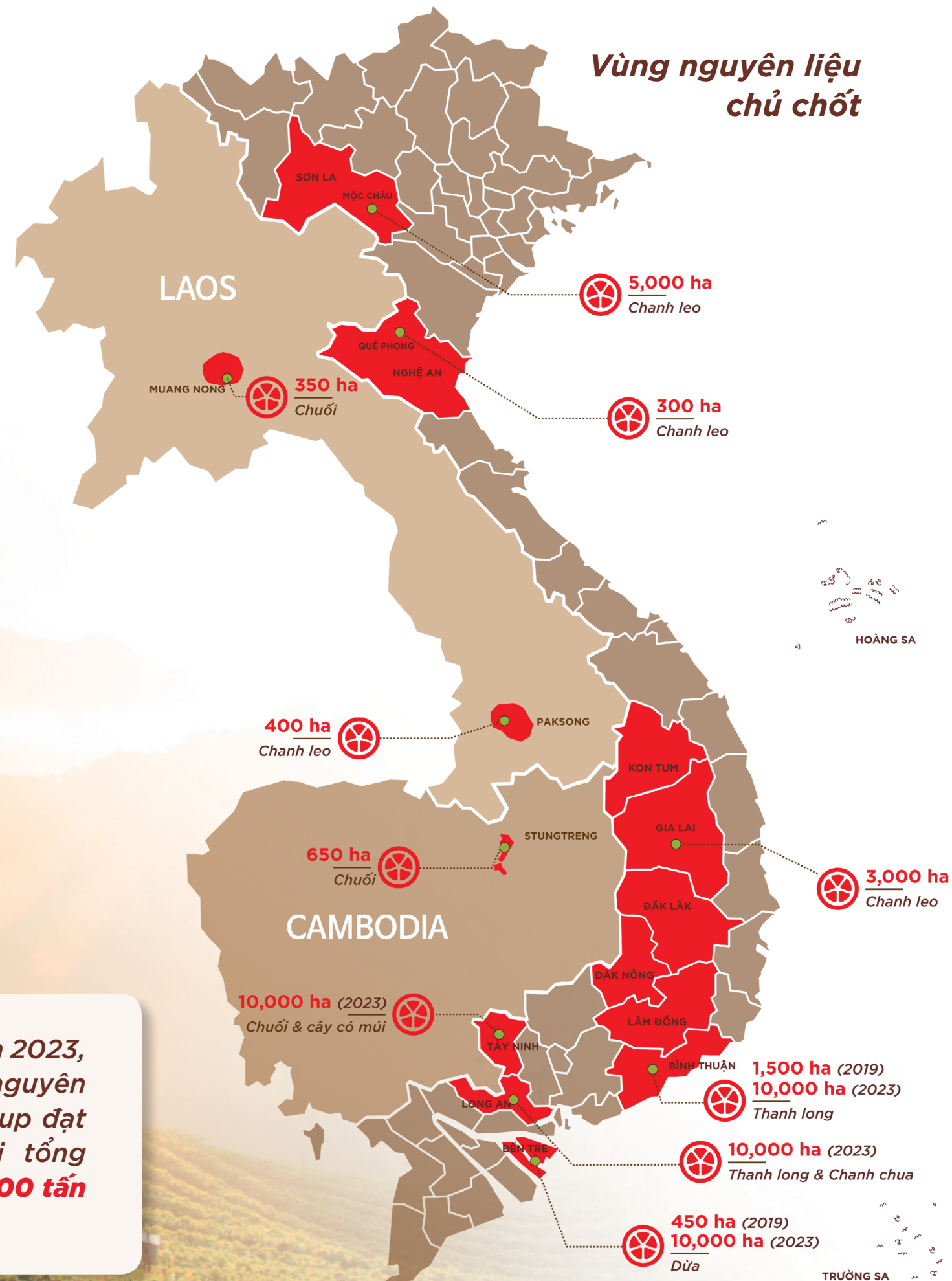
Tổng diện tích vùng nguyên liệu

200.000
Tấn/năm

Tổng công suất từ trái cây

Khai thác lợi thế cạnh tranh trong việc trồng các loại trái cây nhiệt đới đặc thù như **chanh dây, thanh long, xoài, dứa, dừa...** Nafoods Group hiện đã và đang phát triển hơn **30,000 ha** vùng nguyên liệu trải dài khắp lãnh thổ Việt Nam và một số khu vực tại Lào & Campuchia, với tổng công suất hơn **200,000 tấn** trái cây/năm.

“Mục tiêu đến năm 2023, tổng diện tích vùng nguyên liệu của Nafoods Group đạt hơn **80,000 ha** với tổng công suất hơn **300,000 tấn** trái cây/năm.”





CƠ SỞ SẢN XUẤT

TỈNH SƠN LA

Nhà máy Tây Bắc

Sơ chế đóng gói và bảo quản trái cây xuất khẩu; hệ thống phân loại, đông lạnh và bảo quản

- Diện tích: 02 ha (mở rộng lên 10 ha tổ hợp nông nghiệp vào năm 2026)
- Địa điểm: Mộc Châu
- Tiêu thụ: **50,000** tấn nguyên liệu/năm

TỈNH NGHỆ AN

Nhà máy Nghệ An

Bao gồm 01 dây chuyền sản xuất nước trái cây cô đặc, 01 dây chuyền sản xuất IQF (đông lạnh nhanh) & 01 dây chuyền sấy

- Diện tích: 05 ha
- Địa điểm: Quỳnh Lưu
- Công suất: **5,000** tấn nước ép cô đặc/năm; **3,000** tấn sản phẩm IQF/năm & **300** tấn sấy/năm

TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nhà máy Anacardium

Dây chuyền sản xuất và chế biến Hạt Điều

- Diện tích: 10 ha
- Địa điểm: Phước Long
- Công suất: **18,000** tấn Điều thô/năm

TỈNH LONG AN

Nhà máy Nasoco

Bao gồm 01 dây chuyền sản xuất nước trái cây cô đặc, 01 dây chuyền sản xuất IQF, 01 dây chuyền sấy & 01 dây chuyền cốt dừa.

- Diện tích: 6.5 ha
- Địa điểm: Đức Hòa
- Công suất: **7,000** tấn nước ép cô đặc/năm; **5,000** tấn sản phẩm IQF/năm & **300** tấn sấy/năm
- Tiêu thụ: **100,000** tấn nguyên liệu/năm



TỈNH NGHỆ AN

Viện Giống Quế Phong

Liên kết với các chuyên gia của Đại học Quốc gia Chung Hsing - Đài Loan

- Diện tích: 06 ha nhà kính
- Địa điểm: Quế Phong
- Công suất: **6** triệu cây giống/năm

TỈNH GIA LAI

Tổ hợp Nông nghiệp Công nghệ cao Tây Nguyên

Bao gồm

- Trung tâm nghiên cứu nhân giống cây trồng công nghệ cao
- Nhà máy sản xuất để phân loại, tách, đóng gói và bảo quản trái cây xuất khẩu
- Khu Nông Nghiệp công nghệ cao
- Diện tích: 10 ha
- Địa điểm: An Phú
- Công suất: **2** triệu cây giống/năm

TỈNH BÌNH THUAN

Nhà máy Đông Nam Việt

Bao gồm 06 dây chuyền sấy, nhà máy đóng gói và hệ thống 06 kho lạnh và cấp đông

- Diện tích: 02 ha
- Địa điểm: Phan Thiết
- Tiêu thụ: **60,000** tấn nguyên liệu/năm
- Công suất: **1,800** tấn/năm

TỈNH BẾN TRE

Nhà máy Liên Vĩnh Xương

Dây chuyền sản xuất Dừa Aseptic với công nghệ hiện đại theo xu hướng mới châu Âu & châu Mỹ (tại Việt Nam hiện chỉ có 02 nhà máy ứng dụng công nghệ này)

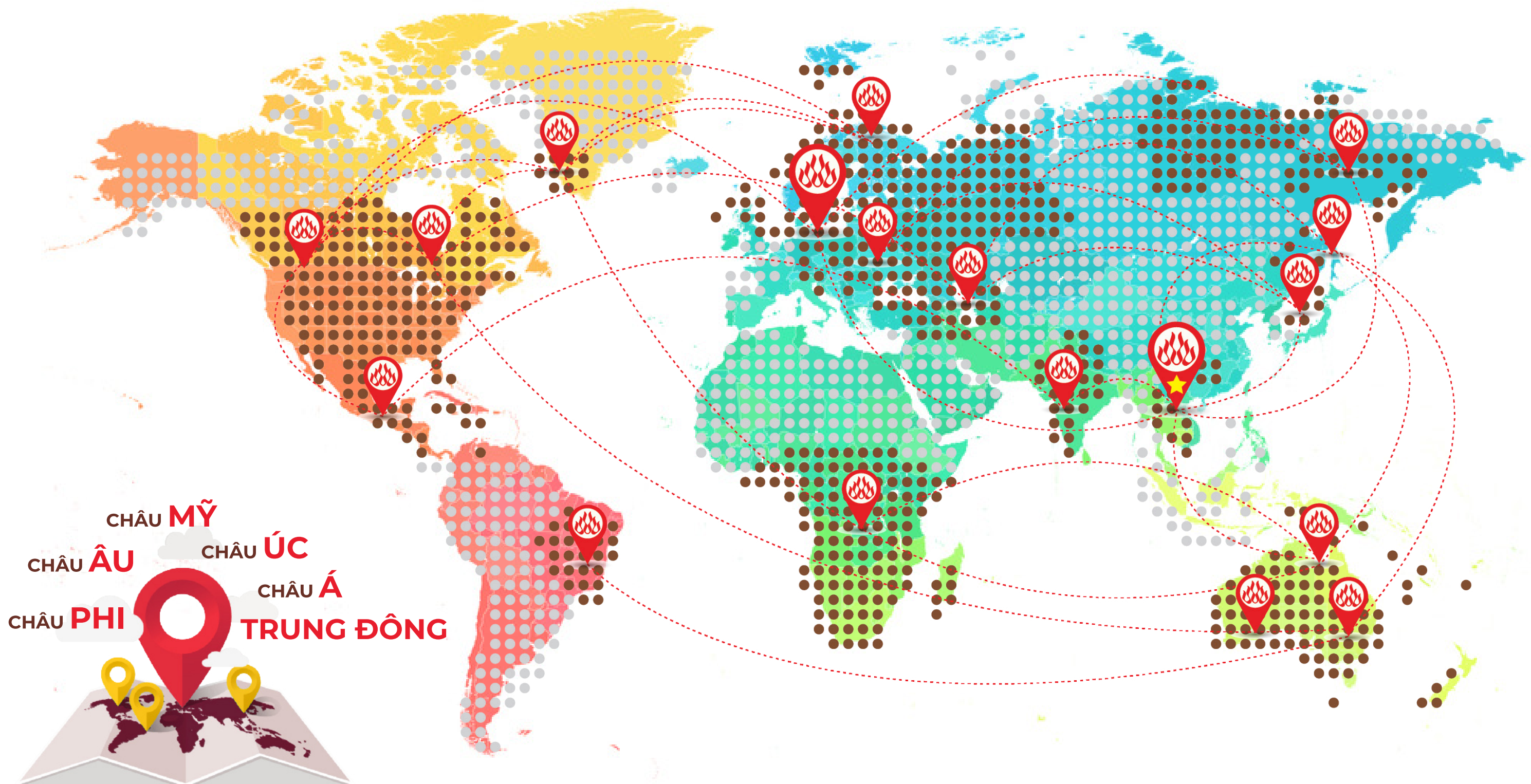
- Diện tích: 02 ha (mở rộng lên 10 ha vào năm 2026)
- Địa điểm: Châu Thành
- Tiêu thụ: **2,000** tấn nguyên liệu/năm và đang được nâng cấp lên **5,000** tấn



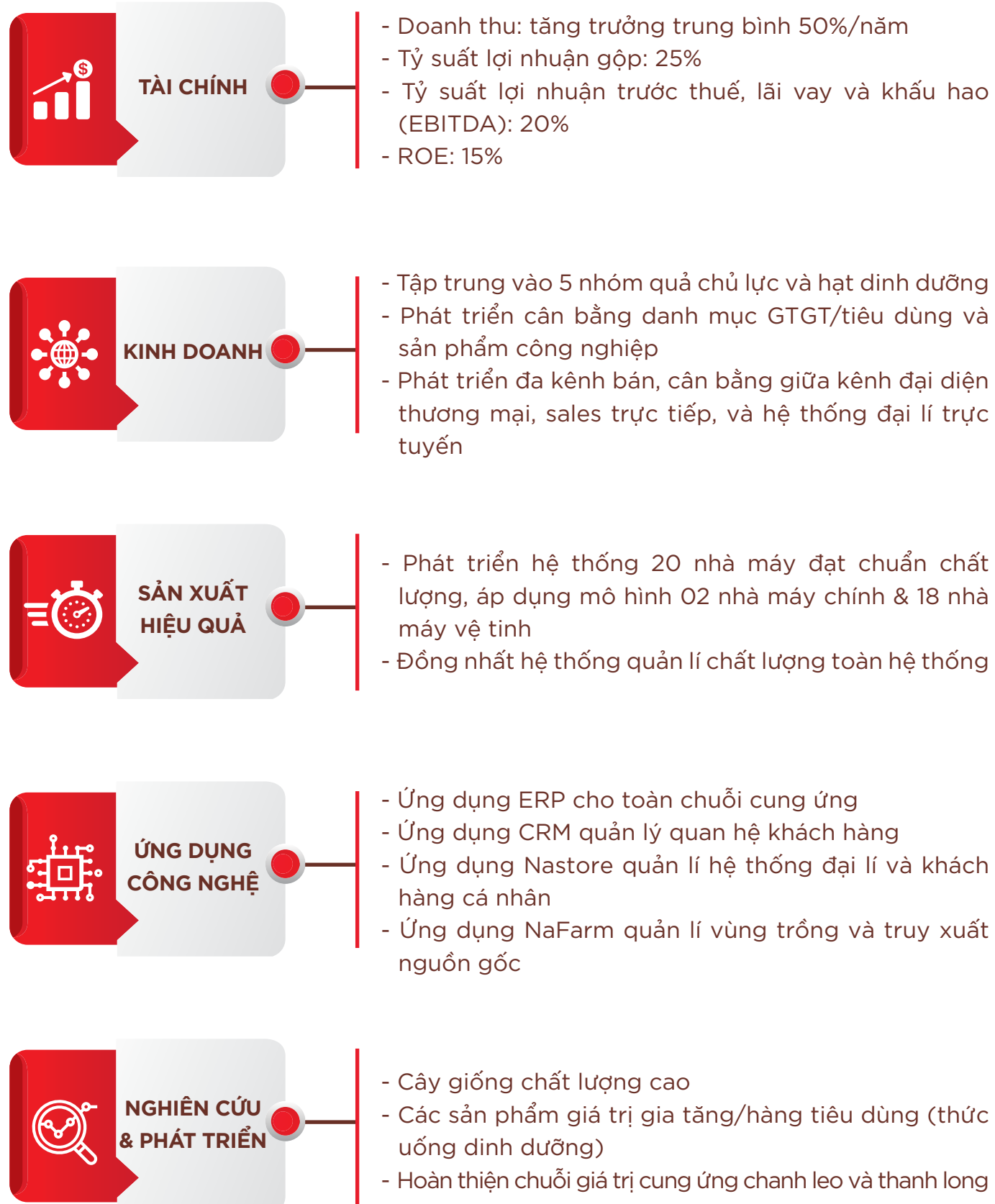
THỊ TRƯỜNG

Sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ các **thị trường xuất khẩu**. Các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây tươi và giá trị gia tăng (sấy, hạt) của Nafoods Group đã chinh phục được hơn **70** thị trường các quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như **Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông, Úc**.

Tại **thị trường nội địa**, ngoài việc đang là nhà **cung cấp cây giống chanh leo số 1** trong nước, Nafoods Group hiện đang triển khai thử nghiệm kinh doanh một số sản phẩm rau củ quả, hạt thông qua **hệ thống Nafoods Store**.



ƯU TIÊN CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2023



MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Với tầm nhìn đưa Nafoods Group trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu, tiên phong trong chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững và sứ mệnh cung cấp sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn, thân thiện với môi trường nhằm đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, đặc biệt là bà con nông dân, đem lại giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động; Ban lãnh đạo Nafoods Group đã đề ra định hướng chiến lược phát triển cho giai đoạn 2018 – 2023 với nhiều mục tiêu và chiến lược cụ thể.

📖 *Mục tiêu đến năm 2023, doanh thu của Nafoods Group tăng trưởng trung bình **50%/năm**, tỷ suất lợi nhuận gộp **hơn 25%**, tỷ suất EBITDA **hơn 20%**, ROE (lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) **hơn 15%*** 📖



CHIẾN LƯỢC 2018 - 2023:

Tăng trưởng thông qua hợp tác – Liên kết

LIÊN MINH CHIẾN LƯỢC

- Tập trung vào 10 nông hộ quy mô lớn (trên 100ha).
- Nafoods cung cấp thị trường/khách hàng, CNTT, giống và VTNN.
- Nafoods chốt kí sản lượng bao tiêu cố định thông qua hợp đồng năm/quý với giá tối thiểu, chia sẻ lợi nhuận.

TĂNG TRƯỞNG TRUNG BÌNH NĂM 50% (GIAI ĐOẠN 2018 - 2023)

MUA BÁN & SÁP NHẬP

- Tập trung vào các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhà đóng gói chanh leo (và 4 loại quả chủ lực khác); với công nghệ/thiết bị/cơ sở vật chất đạt chuẩn; vị trí địa lý chiến lược.
- Hoán đổi cổ phiếu với NFG.

1

2

3

4

5

6

6/2018

6/2019

6/2020

6/2021

6/2022

6/2023

CHUẨN BỊ - CHUYỂN ĐỔI GIAI ĐOẠN 1

- Xây dựng chiến lược Tập đoàn; triển khai thử nghiệm chiến lược kinh doanh và thu mua.
- Tập trung ổn định 3 trụ cột: Thị trường - Thu mua - Dòng tiền.

XÂY DỰNG NỀN TẢNG - THỬ NGHIỆM MẢNG KINH DOANH MỚI

- Chỉnh sửa và hoàn thiện chiến lược thực thi; hoàn thiện ưu tiên phát triển chuỗi cung ứng.
- Tập trung xây dựng 3 trụ cột: Quản trị - HR - Hệ thống CNTT.

TĂNG TRƯỞNG GĐ1 - LIÊN MINH CHIẾN LƯỢC

- Xây dựng 10 đối tác liên minh, chiếm 70% thị phần chanh leo và 60% các loại quả chủ lực khác;
- Thực thi chiến lược chuỗi cung ứng chanh leo;
- Hoàn thiện số hóa quy trình vận hành chính.

TĂNG TRƯỞNG GĐ2 - MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP

- Hoàn thiện thương vụ mua bán và sáp nhập đầu tiên.
- Nâng cấp chức năng CEO/CFO.

TĂNG TRƯỞNG GĐ3 - MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP

- Hoàn thiện 3 thương vụ mua bán và sáp nhập cho các mảng mới (quả mới, sản phẩm giá trị gia tăng).
- Cơ cấu tổ chức mới (ma trận): kết hợp quản lý theo chức năng và theo lãnh thổ cho hơn 20 đơn vị kinh doanh.

TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH LÂU DÀI

Liên tục nâng cấp cỗ máy tăng trưởng qua các năm - thay đổi về chất trong điều hành.



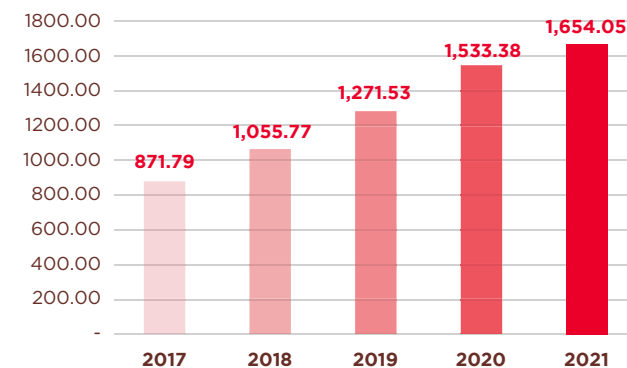
CÁC RỦI RO VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA RỦI RO

STT	Rủi ro	Xu hướng/giải pháp phòng ngừa rủi ro
1	Rủi ro kinh tế Rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. - Tăng trưởng kinh tế: Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Những biến động trong kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Nafoods Group - Lạm phát: Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người tiêu dùng. - Lãi suất: Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh vì vậy những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty	- Công ty chủ động đa dạng sản phẩm, đa dạng thị trường xuất khẩu để nhằm hạn chế rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát. - Công ty chủ yếu xuất khẩu do đó có nguồn ngoại tệ về ổn định. Vì vậy để hạn chế rủi ro lãi suất, Công ty đã chủ động sử dụng các khoản vay bằng USD.
2	Rủi ro luật pháp Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.	- Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thường xuyên thay đổi - Để hạn chế những tác động này, Nafoods Group đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất.
3	Rủi ro chuỗi cung ứng Là rủi ro phát sinh khi nguồn cung cấp nguyên liệu không có sẵn và/hoặc thiếu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm.	Nafoods Group chủ động xây dựng vùng nguyên liệu cũng như kết hợp với bà con nông dân trong việc bao tiêu nông sản để hạn chế rủi ro này
4	Rủi ro vận hành chuỗi giá trị Kết quả không tốt tại một khâu nào đó trong chuỗi giá trị sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống.	Nafoods Group thực hiện chuỗi giá trị từ việc lựa chọn giống, chăn nuôi, trồng trọt, đến sản xuất và xuất khẩu. Mô hình này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ của toàn hệ thống. Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của các khâu, quy trình vận hành và đưa ra phương thức quản trị tốt nhằm giảm thiểu rủi ro này.
5	Rủi ro trong vận chuyển và bảo quản thành phẩm Quá trình vận chuyển gặp trục trặc dẫn đến chất lượng sản phẩm không được đảm bảo khi tới tay khách hàng.	Nafoods Group giảm thiểu thời gian vận chuyển từ vùng nguyên liệu tới nhà máy chế biến để hạn chế rủi ro này. Bên cạnh đó, quá trình bảo quản và vận chuyển sản phẩm cũng được kiểm tra kỹ lưỡng và chặt chẽ.
6	Rủi ro thời tiết Là rủi ro phát sinh khi các tác động xấu của thời tiết ảnh hưởng xấu đến nguồn nguyên liệu trực tiếp và gián tiếp của Công ty	Thời tiết hiện nay bị ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu và thay đổi khó lường. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã liên tục mở rộng vùng nguyên liệu của mình trải dài khắp lãnh thổ Việt Nam và một số khu vực tại Đông Dương, đồng thời thực hiện những biện pháp trồng trọt và bảo quản nhằm giảm ảnh hưởng của rủi ro thời tiết.
7	Rủi ro tỷ giá Tỷ giá thay đổi ảnh hưởng đến dư nợ vay USD và giá bán bằng USD của các sản phẩm xuất khẩu.	Rủi ro tỷ giá ảnh hưởng không nhiều đến Công ty do Công ty chủ yếu xuất khẩu và sử dụng các khoản vay bằng USD
8	Rủi ro cạnh tranh Cạnh tranh của các thương hiệu khác tại Việt Nam và quốc tế.	- Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng cùng với quá trình toàn cầu hóa. - Các giải pháp giảm thiểu rủi ro đã được triển khai như phát triển sản phẩm thuộc thị trường ngách, độc quyền duy nhất trên thị trường, giá cả hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng
9	Rủi ro truyền thông đại chúng Ảnh hưởng của dư luận, xã hội tác động không tốt đến hình ảnh của Nafoods Group.	Người tiêu dùng hiện đại có xu hướng bị ảnh hưởng bởi thông tin đại chúng, mạng xã hội. Giải pháp của Nafoods Group: nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng chu đáo, giải quyết thắc mắc của khách hàng kịp thời; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ nhà đầu tư
10	Rủi ro chất lượng sản phẩm Sản phẩm trong quá trình sản xuất gặp vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng.	Sản phẩm của Nafoods Group được kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như BRC, ISO 22000:2500, HACCP, SGF và ngoài ra còn có kiểm soát chất lượng nội bộ của Nafoods Group. Rủi ro này đang được kiểm soát hiệu quả.

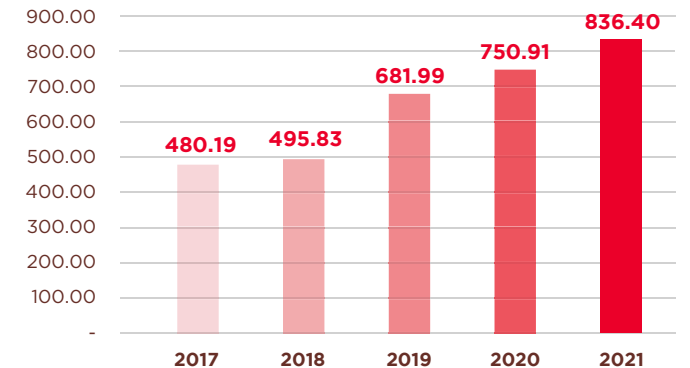
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU (Tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020	2021
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng Tài sản	871.79	1,055.77	1,271.53	1,533.38	1,654.06
- Tài sản ngắn hạn	579.23	595.15	819.55	972.42	1,029.32
- Tài sản dài hạn	292.56	460.62	451.98	560.96	624.74
Nợ phải trả	391.60	559.94	589.54	782.47	817.66
- Nợ ngắn hạn	273.37	351.29	464.56	594.81	700.84
- Nợ dài hạn	118.24	208.65	124.98	187.67	116.82
Vốn chủ sở hữu	480.19	495.83	681.99	750.91	836.40
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần	519.36	600.22	1,041.94	1,202.67	1,614.65
Lợi nhuận gộp	152.89	139.82	233.05	254.88	291.46
Chi phí Bán hàng & QLDN	64.23	79.54	147.87	143.55	182.60
EBIT	88.66	60.28	85.18	111.33	108.87
Chi phí tài chính	15.17	20.76	41.20	53.64	42.20
Lợi nhuận trước thuế	78.72	45.30	52.42	65.09	90.42
Lợi nhuận sau thuế	65.48	40.43	47.92	61.31	77.61
EBITDA	95.32	76.73	107.70	134.27	135.71
CƠ CẤU VỐN					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.45	0.53	0.46	0.51	0.49
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.82	1.13	0.86	1.04	0.98
KHẢ NĂNG THANH TOÁN					
Tỷ số thanh toán ngắn hạn	2.12	1.69	1.76	1.63	1.47
Tỷ số thanh toán nhanh	1.92	1.46	1.45	1.34	1.28
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Vòng quay khoản phải thu	2.72	2.40	3.11	2.63	3.22
Vòng quay hàng tồn kho	8.06	6.76	7.02	5.87	8.58
Vòng quay Tổng tài sản	0.70	0.62	0.90	0.86	1.01
TỶ SUẤT SINH LỜI					
Tỷ suất lợi nhuận gộp	29.44%	23.30%	22.37%	21.19%	18.05%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	12.61%	6.74%	4.60%	5.10%	4.81%
Tỷ suất EBITDA	18.35%	12.78%	10.34%	11.16%	8.40%
ROE	14.44%	8.29%	8.14%	8.56%	9.78%
ROA	8.77%	4.20%	4.12%	4.37%	4.87%

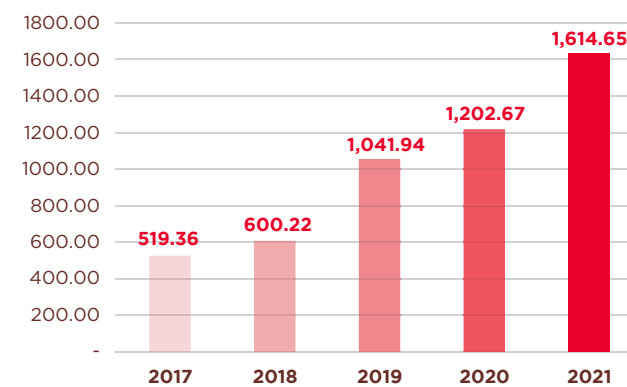
TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



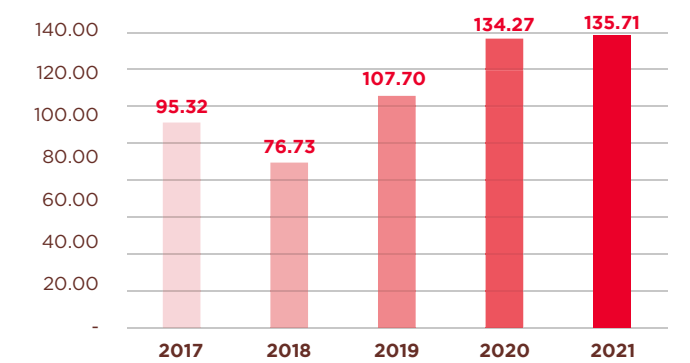
VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



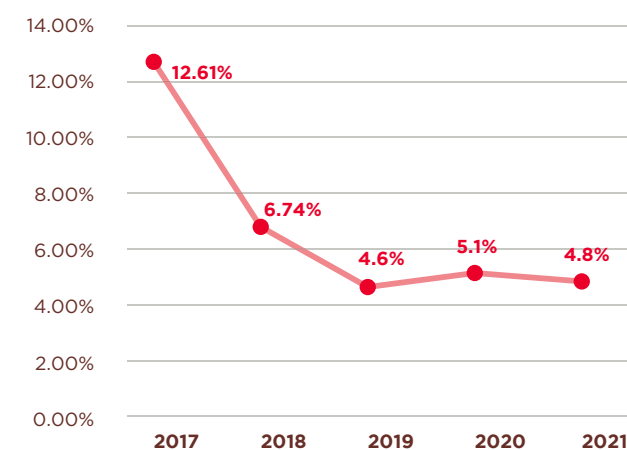
DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)



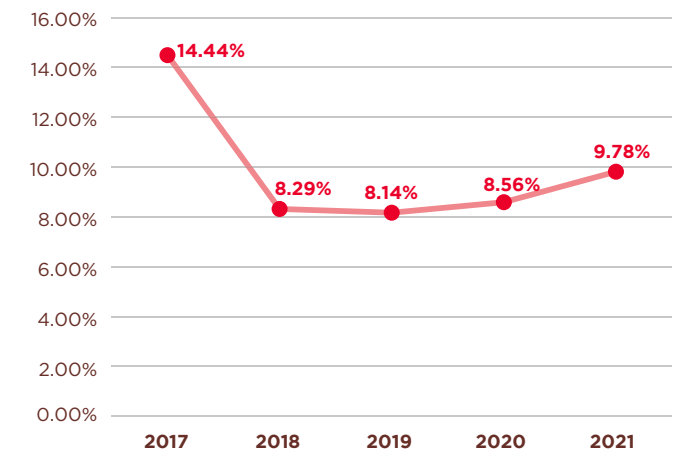
EBITDA



TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ (%)



ROE (%)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

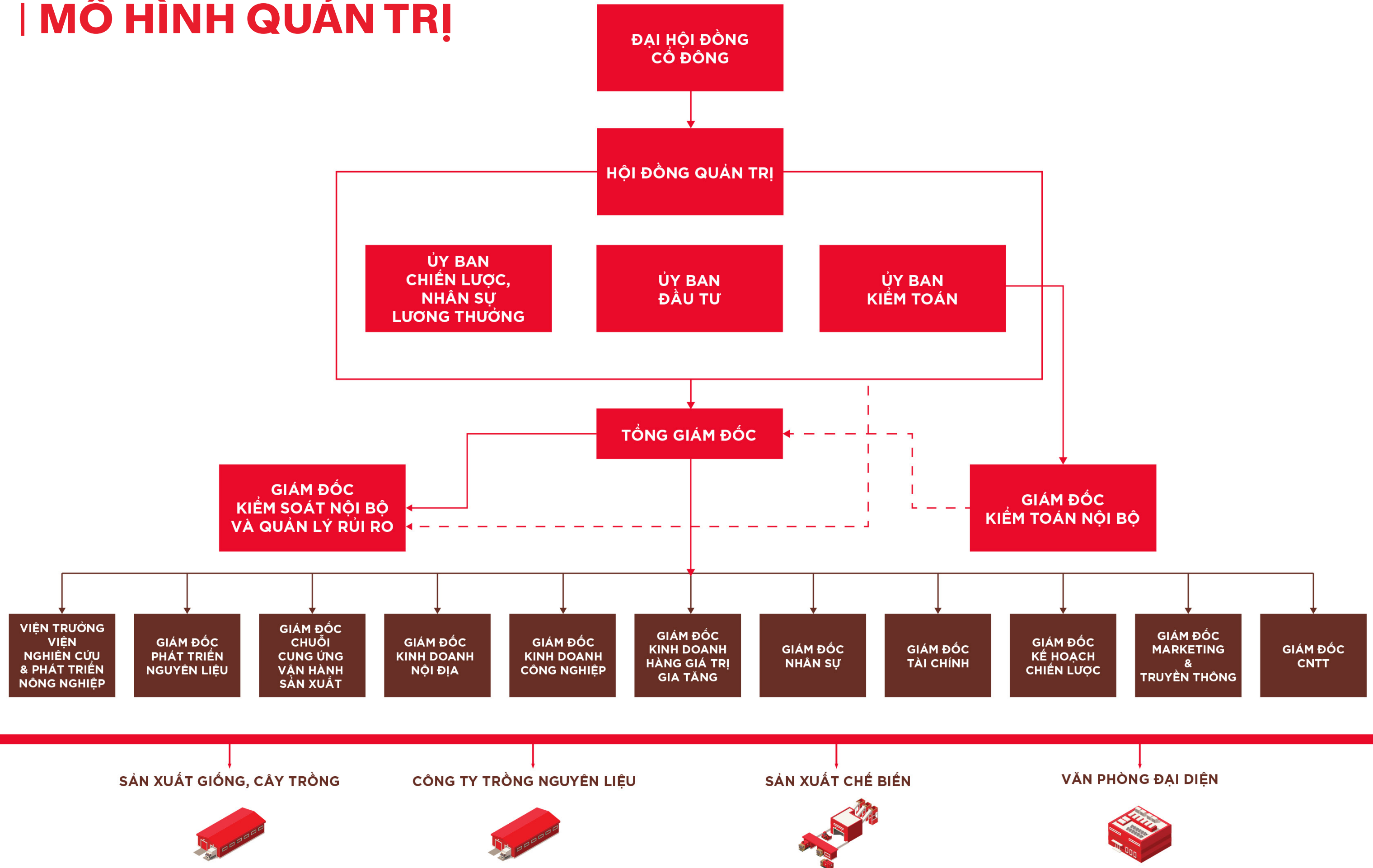


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

02

- | Mô hình quản trị
- | Công ty con, công ty liên kết
- | Giới thiệu Hội đồng quản trị
- | Giới thiệu Ban Điều Hành
- | Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

I MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của NAF
1	Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	SXKD và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	60 tỷ đồng	100%
2	CTCP Chanh leo Nafoods	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Trồng trọt và sản xuất giống cây trồng	60 tỷ đồng	99.80%
3	CTCP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Long An	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	170 tỷ đồng	99.80%
4	CTCP Nafoods Tây Nguyên	834 Lê Duẩn, Xã Chư Á, Pleiku, Gia Lai	Sản xuất giống cây trồng, Hoạt động dịch vụ trồng trọt	85.86 tỷ đồng	99.86%
5	CTCP Đầu tư – Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Long An	Chế biến và bảo quản rau quả	5 tỷ đồng	99.00%

CÔNG TY LIÊN KẾT & ĐẦU TƯ KHÁC

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của NAF
1	CTCP Nafoods Tây Bắc	Tiểu khu 84-85 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Sơn La	Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả	50 tỷ đồng	35%
2	CTCP Thực phẩm Nghệ An	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Gia công và chế biến các loại hoa quả	62 tỷ đồng	5%



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị (không điều hành)
Chủ tịch Ủy ban Chiến lược – Nhân sự và Lương thưởng
Năm sinh: 1968

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Ông là người sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. 26 năm qua, Ông đã định hướng, lãnh đạo và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

- Ông cũng là gương mặt tiêu biểu đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các hoạt động của Hội doanh nghiệp trẻ Nghệ An với vị trí chủ tịch trong 10 năm khi Hội mới thành lập và là Ủy viên BCH Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong nhiều khóa.

- Năm 2020, Ông được bầu làm Phó chủ tịch hiệp hội kiêm Trưởng Ban Khoa học công nghệ & đào tạo của Hiệp hội nông nghiệp số Việt Nam (VIDA).

- **Quá trình công tác:**

1996 - 1997: Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi

1998 - 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh

2009 - 2014: Chủ tịch HĐQT CTCP ChoaViet (tiền thân của CTCP Nafoods Group)

2014 - 5/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Nafoods Group

5/2020 - 4/2021: Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng giám đốc CTCP Nafoods Group

4/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh leo Nafoods

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành CTCP Nafoods Miền Nam

Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên

Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Tây Bắc

Chủ tịch HĐQT CTCP ĐT - PT - GTGT Nông nghiệp



Bà PHAN THỊ MINH CHÂU

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực (không điều hành)
Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Năm sinh: 1972

- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Kinh tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Bà Phan Thị Minh Châu là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group, đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty.
 - Bà từng nắm giữ nhiều vị trí quản lý và điều

hành quan trọng của Công ty và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong các nhiệm kỳ từ năm 2014.

- Bà là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban lãnh đạo xây dựng các giá trị văn hóa cốt lõi, quyết tâm đưa phương pháp BSC và công cụ KPI vào áp dụng để điều hành và quản trị mục tiêu của doanh nghiệp từ năm 2014.

- **Quá trình công tác:**

1996 - 1997: Kế toán viên Nhà máy nước giải khát Festi

1998 - 2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thành Vinh

2000 - 2007: Kế toán trưởng CTCP Thực phẩm Nghệ An

2009 - 2014: Giám đốc điều hành CTCP ChoaViet (tiền thân của CTCP Nafoods Group)

2014 - 7/2018: Phó Tổng giám đốc Tài chính CTCP Nafoods Group

2014 - 4/2019: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Group

5/2020 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT thường trực CTCP Nafoods Group

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh leo Nafoods

Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên

Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nafoods Tây Bắc

**Ông NGUYỄN TIẾN CHINH**

**Thành viên Hội đồng quản trị
(không điều hành)**

Năm sinh: 1967

- **Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí**
- **Kinh nghiệm:**
 - Ông là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group, từng nắm giữ nhiều vị trí quản lý và điều hành quan trọng của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong các nhiệm kỳ từ năm 2014.
 - Ông là người đã có sự đóng góp rất lớn trong việc đưa hệ thống, dây chuyền sản xuất chế biến của Công ty đạt các chứng chỉ khắt khe nhất, như: AIJN, Halal, Kosher, BRC, ISO 22000:2005. Nhờ đó sản phẩm của Nafoods Group đã đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường khó tính nhất trên thế giới.
- **Quá trình công tác:**
 - 1985 - 1996:** Quản đốc phân xưởng Nhà máy phân đạm Hà Bắc
 - 1996 - 1997:** Phó Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi
 - 1998 - 2008:** Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh
 - 2000 - 2002:** Trưởng Ban quản lý Dự án Nhà máy chế biến nước ép rau quả cô thuộc CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 2003 - 2014:** Giám đốc sản xuất CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 2014 - 2018:** Phó Tổng Giám đốc sản xuất CTCP Nafoods Group
 - 2014 đến nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Nafoods Group
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
 - Người đại diện theo pháp luật CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Miền Nam
 - Thành viên HĐQT CTCP ĐT - PT - GTGT Nông nghiệp

**Ông JOHAN DE GEER**

**Thành viên Hội đồng quản trị
(không điều hành)**

Thành viên Ủy ban Đầu tư

Năm sinh: 1977

- **Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Marketing & Tài chính**
- **Kinh nghiệm:**
 - Tốt nghiệp Thạc sỹ về Marketing và Tài chính của Trường Kinh tế Stockholm, Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các thị trường mới nổi.
 - Năm 2012 Ông đến Việt Nam với vai trò là GD Điều hành của Oriflame - một trong những thương hiệu tiêu dùng nổi tiếng nhất với mạng lưới bán hàng bao gồm hàng chục nghìn nhà phân phối độc lập.
 - Sau đó, Ông đã cùng các cộng sự của mình sáng lập nên Endurance Capital, một quỹ hợp tác đầu tư và là một trong những cổ đông lớn của Nafoods Group. Tháng 8 năm 2017, Ông đã được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT của Nafoods Group.
- **Quá trình công tác:**
 - 2022 - 2026:** Giám đốc CJSC Chumak (Ukraine)
 - 2006 - 2009:** Cố vấn, The Boston Consulting Group (Stockholm)
 - 2006 - 2009:** Giám đốc điều hành, Oriflame Việt Nam
 - 2009 - 2012:** Giám đốc điều hành, SIA Oriflame Latvia
 - 8/2017 - nay:** Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Group
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
 - Chủ tịch Gaillamont AB
 - Đối tác sáng lập Endurance Capital Vietnam I Limited
 - Đối tác sáng lập Endurance Capital Advisors Limited
 - Chủ tịch Business Rock Star Vietnam
 - Chủ tịch Entremont Limited

**Ông JOHAN NYVENE**

**Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)
Chủ tịch Ủy ban Đầu tư**

Năm sinh: 1965

- **Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính**
- **Kinh nghiệm:**
 - Là nhà quản lý tài chính am hiểu thị trường tài chính Việt Nam qua hơn 15 năm làm việc. Sinh ra tại Việt Nam nhưng lớn lên và học tập tại Mỹ, Ông Johan đã trải qua 9 năm đầu tiên trong sự nghiệp tài chính chuyên nghiệp của mình với các vị trí chuyên viên phân tích và chuyên viên ngân hàng quốc tế, chuyên trách các thị trường Đông Nam Á tại ngân hàng CoreStates First Union.
 - Ông đã từng là người thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam và được coi là một trong những người đi tiên phong tham gia vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn đầu.
 - Với những kiến thức và kinh nghiệm qua những định chế tài chính quốc tế, ông Johan đã được bổ nhiệm vào vị trí CEO của Công ty Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC), một trong những công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam trong hơn 13 năm, đến tháng 4/2021 Ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của HSC.
- **Quá trình công tác:**
 - 1990 - 1998:** Tổng Giám đốc CoreStates First Union - Hoa kỳ
 - 1998 - 2007:** Giám đốc HSBC Việt Nam
 - 2007 - 2020:** Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Thành phố HCM (HSC)
 - 5/2020 - nay:** Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nafoods Group
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Thành phố HCM (HSC)
 - Thành viên HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

**Bà ĐIỂN THỊ LAN PHƯƠNG**

Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Năm sinh: 1966

- **Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính**

- **Kinh nghiệm:**

- Bà có hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán ở vị trí quản lý cao cấp cho các loại hình doanh nghiệp, chủ yếu là các công ty đa quốc gia có mặt tại thị trường Việt Nam, như: KFC Việt Nam, Universal Dầu khí Việt Nam (UP), Puratos Việt Nam, PPG PMC Việt Nam, METRO Cash & Carry Vietnam. Tại những tổ chức này, Bà đã chất lọc được nhiều kinh nghiệm thực tiễn về quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kinh nghiệm xây dựng và quản trị hệ thống quản trị nội bộ hiệu quả, tiên tiến và đã đem áp dụng, triển khai thành công ở những tập đoàn lớn tại Việt Nam trong những năm gần đây, như: Công ty Bán lẻ VINMART, Tập đoàn Lộc Trời, Tập đoàn Tân Hiệp Phát.

- Với cương vị là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Bà tâm đắc với tầm nhìn và Sứ mệnh của Nafoods Group và sẵn sàng cho những đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của tập đoàn.

- **Quá trình công tác:**

2/1998 - 4/2002: Kế toán trưởng KFC Việt Nam
4/2002 - 11/2002: Kế toán trưởng Universal Dầu khí Việt Nam (UP)
11/2002 - 12/2004: Giám đốc tài chính Puratos Việt Nam
12/2004 - 3/2008: Tổng Giám đốc Puratos Việt Nam
5/2008 - 6/2010: Giám đốc tài chính PPG PMC Việt Nam
10/2010 - 11/2014: Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Kế toán và Kiểm soát METRO Cash & Carry Vietnam
11/2014 - 1/2016: Giám đốc tài chính Vinmart
6/2016 - 10/2016: Giám đốc tài chính CTCP vàng bạc đá quý Bến Thành (BTJ)
10/2016 - 5/2017: Giám đốc tài chính Tập đoàn Tân Hiệp Phát
7/2018 - 9/2019: Giám đốc tài chính Tập đoàn Lộc Trời
09/2020 - nay: Giám đốc tài chính Tập đoàn Tân Hiệp Phát
09/2021 - nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nafoods Group

**Ông PHẠM DUY THÁI**

Thành viên Hội đồng quản trị (điều hành)
Thành viên Ủy ban Đầu tư
Giám đốc Quản trị - Đầu tư
Năm sinh: 1983

- **Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế nông nghiệp**

- **Kinh nghiệm:**

- Gia nhập vào Nafoods Group từ năm 2004, trải qua nhiều vị trí khác nhau, năm 2010 Ông được giao phó tiếp cận và phụ trách Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu với chuỗi giá trị cây Chanh leo của Nafoods Group được tổ chức Danida - Đan Mạch tài trợ và nhiều dự án nông nghiệp khác.

Năm 2013, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành của Công ty cổ phần chanh leo Nafoods và giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp của Nafoods Group từ năm 2014 đến 2021.

- Tháng 4 năm 2019, Ông được tín nhiệm bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT và tiếp tục giữ chức vụ này nhiệm kỳ 2020 - 2025 sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm.

- **Quá trình công tác:**

2006 - 2008: Kế toán Tổng hợp CTCP Thực phẩm Nghệ An
2008 - 2012: Thư ký Tài chính của Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Nghệ An
2010 - 2013: Kế toán trưởng CTCP ChoaViet
2014 - 8/2021: Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp CTCP Nafoods Group
1/2019 - 8/2021: Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group
8/2021 - nay: Giám đốc Quản trị & Đầu tư CTCP Nafoods Group
4/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nafoods Group

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Giám đốc điều hành CTCP Chanh leo Nafoods
 Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên
 Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Miền Nam



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông HỒ HẢI QUÂN

Giám đốc khối Hành chính Nhân sự
Năm sinh: 1980

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại
- **Kinh nghiệm:**
 - Sau 18 năm gắn bó và làm việc tại công ty, Ông có 12 năm trải qua các vị trí Phó phòng/ Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự của Nhà máy đầu tiên trong hệ thống Nafoods Group, với tinh thần cầu thị, làm việc mẫn cán và tận tụy, Ông Hồ Hải Quân được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhân sự của Nafoods Group từ tháng 1/2017.
 - Ông là người có nhiều đóng góp trong hoạt động xây dựng hệ thống quản lý BSC/KPI, ISO, BRC..., tích cực triển khai các cách thức để tăng hiệu quả trong công tác quản trị nguồn nhân lực của toàn hệ thống Nafoods Group, giúp Nafoods Group ngày một tăng trưởng và lớn mạnh.
- **Quá trình công tác:**
 - 2002 - 2004:** Giáo viên Tin học tại Công ty Cổ phần tin học Quang Hùng
 - 2004 - 2007:** Phó phòng Hành chính Nhân sự, kiêm IT; Thư ký ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 2007 - 2009:** Trưởng phòng HCNS, Kiêm quản lý IT, Thư ký Ban ISO tại CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 2010 - 2016:** Trưởng phòng HCNS kiêm trưởng phòng IT tại CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 1/2017 - nay:** Giám đốc Nhân sự CTCP Nafoods Group



Bà DIỆP THỊ MỸ HẢO

Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1982

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Tài chính quốc tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Từng đảm nhiệm các vai trò quản lý khác nhau tại các tổ chức, như: Phó Tổng Giám đốc điều hành tại Auxesia Holdings Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Tài chính tại iCare Benefits Asia/Mobivi Singapore và Việt Nam, Bà là người có kinh nghiệm trong công tác điều hành, vận hành tổ chức.
 - Sau khi gia nhập Nafoods Group từ tháng 7/2018 ở vị trí Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Bà đã cùng Hội đồng quản trị và Ban Điều hành lãnh đạo công ty đạt được những kết quả đáng ghi nhận.
 - Sau 03 năm gắn bó, tháng 4/2021 Bà Diệp Thị Mỹ Hào chính thức được Hội đồng quản trị bổ nhiệm giữ vị trí Tổng giám đốc Nafoods Group.
- **Quá trình công tác:**
 - 5/2009 - 8/2009:** Thực tập sinh Đối tác hợp tác Công - Tư, Phòng phát triển Chính sách, Liên Hiệp Quốc (New York, Hoa Kỳ)
 - 2009 - 2011:** Đồng sáng lập kiêm Phó Tổng Giám đốc, Auxesia Holdings
 - 2011 - 2017:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, iCare Benefits Asia/ Công ty Cổ phần Hỗ trợ Dịch vụ Thanh toán Việt Phú (MobiVi) Singapore và Việt Nam.
 - 7/2018 - 4/2021:** Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Nafoods Group
 - 4/2021 - nay:** Tổng Giám đốc CTCP Nafoods Group



Bà NGUYỄN THỊ TRANG

Giám đốc khối Tài chính - Kế toán - Ngân quỹ
Năm sinh: 1987

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh
- **Kinh nghiệm:**
 - Lựa chọn Nafoods Group làm nơi phát triển bản thân và gắn bó ngay từ sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh - trường Đại học kinh tế Quốc dân, Bà đã có 12 năm gắn bó và đồng hành cùng Công ty.
 - Với tinh thần làm việc tâm huyết, đầy trách nhiệm và không ngừng học hỏi, trong mọi hoàn cảnh Bà đã luôn luôn nỗ lực có nhiều đóng góp quan trọng xây dựng hoạt động chuyên môn Tài chính - Kế toán nói riêng và vào sự phát triển chung của Công ty.
 - Tháng 8/2021, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc khối Tài chính - Kế toán - Ngân quỹ của Nafoods Group
- **Quá trình công tác:**
 - 6/2008 - 6/2009:** Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Phân phối thông minh
 - 6/2009 - 1/2010:** Chuyên viên quản lý dự án Công ty CP Phần mềm Việt
 - 1/2010 - 3/2013:** Kế toán tổng hợp CTCP ChoaViet (nay là CTCP Nafoods Group)
 - 4/2013 - 7/2020:** Kế toán trưởng CTCP ChoaViet (nay là CTCP NafoodsGroup)
 - 7/2020 - 8/2021:** Phó Giám đốc Tài chính CTCP Nafoods Group
 - 8/2021 - nay:** Giám đốc khối Tài chính - Kế toán - Ngân quỹ CTCP Nafoods Group
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
 - Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ CTCP Chanh leo Nafoods
 - Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ CTCP Nafoods Tây Bắc

**Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG**

Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng
Năm sinh: 1978

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán kiểm toán
- **Kinh nghiệm:**
 - Tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán kiểm toán và Quản trị kinh doanh, sau 18 năm gia nhập vào hệ thống Nafoods Group, Bà đã có kinh nghiệm 13 năm làm Kế toán trưởng Nhà máy/ Công ty sản xuất chế biến đầu tiên của hệ thống Nafoods Group và 3 năm làm Trưởng phòng Kế hoạch điều phối của Công ty.
 - Là cán bộ làm việc trách nhiệm và gắn bó Bà đã luôn không ngừng trau dồi kiến thức, cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tháng 8/2021, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng.
- **Quá trình công tác:**
 - 2003 - 2004:** Nhân viên kế toán CTCP Thực Phẩm Nghệ An
 - 2005 - 10/2015:** Trưởng phòng Tài Chính - Kế toán Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu - CTCP Thực phẩm Nghệ An
 - 11/2015 - 2018:** Kế toán trưởng CTCP Thực Phẩm Nghệ An
 - 9/2018 - 8/2021:** Trưởng phòng Kế hoạch điều phối CTCP Nafoods Group
 - 4/2016 - 4/2021:** Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nafoods Group
 - 8/2021 - nay:** Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng CTCP Nafoods Group

**Bà HỒ THỊ LOAN**

Giám đốc Khối Kinh doanh Sản phẩm Công nghiệp
Năm sinh: 1984

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tiếng Anh
- **Kinh nghiệm:**
 - Tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh - Đại học Vinh, sau thời gian làm việc tại một số doanh nghiệp, Bà chính thức gia nhập vào Nafoods Group từ tháng 1/2010.
 - Sau hơn 10 năm gắn bó cùng Nafoods Group, với sức trẻ và tinh thần làm việc nhiệt tâm, trải qua các vị trí Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng và Trưởng phòng Kinh doanh truyền thống, tháng 8/2021 Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Phụ trách khối kinh doanh sản phẩm công nghiệp.
- **Quá trình công tác:**
 - 2007 - 2008:** Nhân viên kinh doanh công ty Trimmers Corp
 - 2008 - 2010:** Nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty VietNam TBI., JSC
 - 2010 - 2015:** Nhân viên kinh doanh CTCP Nafoods Group
 - 2016 - 2017:** Trưởng phòng dịch vụ khách hàng CTCP Nafoods Group
 - 2017 - 8/2021:** Trưởng phòng kinh doanh truyền thống CTCP Nafoods Group
 - 8/2021 - nay:** Giám đốc Khối kinh doanh sản phẩm công nghiệp CTCP Nafoods Group

**Ông NGÔ SỸ MẠNH**

Giám đốc Khối Vận hành sản xuất và Công nghệ
Năm sinh: 1980

- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Điện công nghiệp
- **Kinh nghiệm:**
 - Tốt nghiệp chuyên ngành Điện công nghiệp, trải qua nhiều năm làm Quản đốc sản xuất và 2 năm làm Phó giám đốc/Giám đốc điều hành Nhà máy, Ông đã có những đóng góp ý nghĩa trong hoạt động vận hành sản xuất và công nghệ của Công ty.
 - Tháng 8/2021, Ông được HĐQT tin tưởng bổ nhiệm là Giám đốc phụ trách khối Vận hành Sản xuất và Công nghệ.
- **Quá trình công tác:**
 - 4/2003 - 11/2003:** Công nhân kỹ thuật vận hành nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 2003 - 2007:** Tổ trưởng tổ trích ly nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 2017 - 2018:** Tổ trưởng tổ công nghệ xây dựng nhà máy Nafoods Miền Nam.
 - 2019 - 2020:** Phó Giám đốc nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 5/2019 - 12/2019:** Quyền Giám đốc CTCP Nafoods Miền Nam
 - 2020 - nay:** Giám đốc nhà máy Thực phẩm Nghệ An
 - 8/2021 - nay:** Giám đốc khối Vận hành Sản xuất và Công nghệ CTCP Nafoods Group
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Giám đốc CTCP Nafoods Miền Nam

**Bà ĐẶNG THỊ LOAN**

Kế toán trưởng
Năm sinh: 1988

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- **Kinh nghiệm:**
 - Gia nhập Nafoods Group từ tháng 7 năm 2014, Bà đã có hơn 7 năm cống hiến và gần 11 năm kinh nghiệm ở vị trí Kế toán tổng hợp.
 - Đến tháng 7 năm 2020, Bà được Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Nafoods Group tin tưởng bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng.
- **Quá trình công tác:**
 - 2010 - 2014:** Kế toán tổng hợp CTCP SAHABAK
 - 2010 - 2014:** Thành viên Ban quản lý các Dự án của CTCP SAHABAK
 - 2014 - 2020:** Kế toán tổng hợp CTCP Nafoods Group
 - 2020 đến nay:** Kế toán trưởng CTCP Nafoods Group

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

VỐN CỔ PHẦN

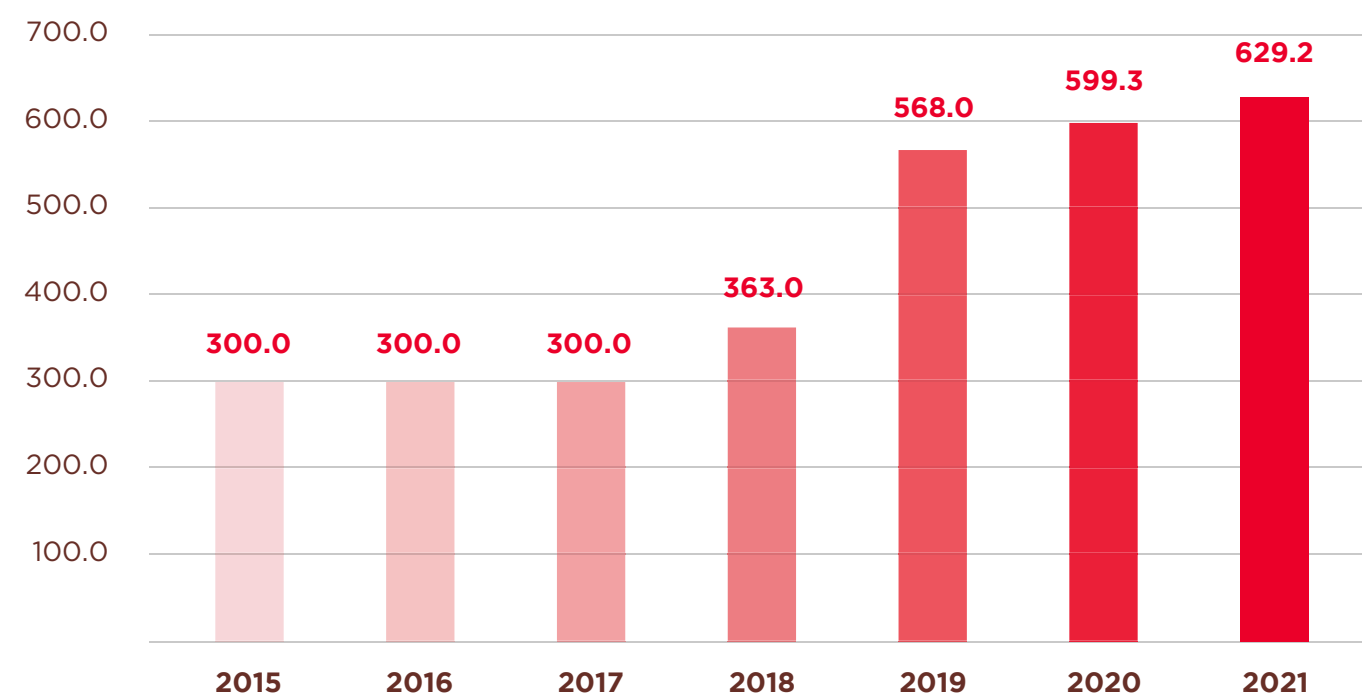
Tại ngày 31/12/2021, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

- Số cổ phần đã phát hành: 62,923,085 cổ phần
- Số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50,564,090 cổ phần
- Số cổ phần ưu đãi: 12,358,933 cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ: 62 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phần: 10,000 đồng

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, Công ty đã phát hành 2,996,300 cổ phiếu thưởng cho người lao động (Esop), nâng tổng vốn góp chủ sở hữu của Công ty lên 629,230,850,000 đồng.

VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn	26,510,490	42.1%	2	1	1
	- Trong nước	23,527,223	37.4%	1	-	1
	- Nước ngoài	2,983,267	4.7%	1	1	-
2	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	62	0.00%	1	1	-
4	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	12,358,933	19.6%	1	1	-
5	Cổ đông khác	24,053,600	38.2%	4,963	33	4,930
	- Trong nước	23,661,835	37.6%	4,913	24	4,889
	- Nước ngoài	391,765	0.6%	50	9	41
Tổng	Trong nước	47,189,120	75%	4,915	25	4,890
	Nước ngoài	15,733,965	25%	52	11	41

Dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2022

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Phường Trường Thi, TP. Vinh, Nghệ An, Việt Nam	23,527,223	46.53%
2	ENDURANCE CAPITAL VIETNAM I LIMITED	Coastal Building, Wickham's Cay II, PO Box 2221, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	2,983,267	5.9%

Dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

03

- | Tổ Chức và Nhân Sự
- | Báo cáo của Ban điều hành
- | Báo cáo của HĐQT
- | Báo cáo của Ủy ban kiểm toán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết
1	Diệp Thị Mỹ Hảo	Tổng Giám đốc	150,000	0.30%
2	Phạm Duy Thái	Giám đốc Quản trị - Đầu tư	494,276	0.98%
3	Nguyễn Thị Trang	Giám đốc Tài chính - Kế toán - Ngân Quỹ	226,541	0.45%
4	Hồ Thị Loan	Giám đốc Kinh doanh Công nghiệp	112,607	0.22%
5	Nguyễn Thị Phương Hồng	Giám đốc Kế hoạch & Cung ứng	23,632	0.05%
6	Ngô Sỹ Mạnh	Giám đốc Sản xuất & Công nghệ	164,991	0.33%
7	Hồ Hải Quân	Giám đốc Nhân sự	185,904	0.37%
8	Đặng Thị Loan	Kế toán trưởng	84,659	0.17%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Tại cuộc họp HĐQT ngay sau ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Công ty đã chính thức bổ nhiệm Bà Diệp Thị Mỹ Hảo vào vị trí Tổng Giám đốc thay thế Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

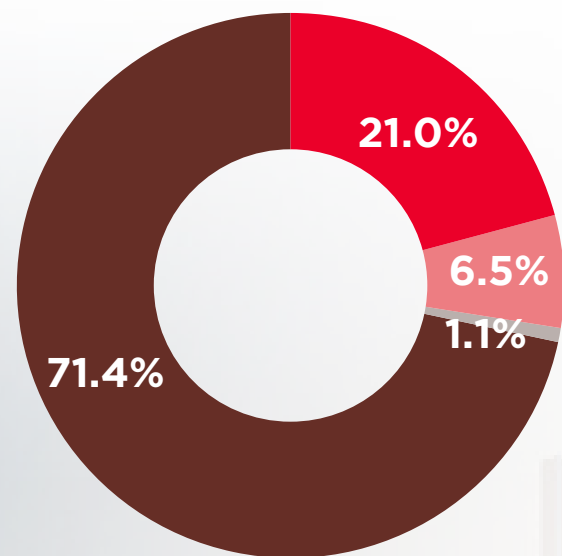
Trong năm, cơ cấu tổ chức của Ban Điều hành cũng có sự thay đổi. Theo đó, Ban điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc Khối chức năng, thay thế cho các vị trí Phó Tổng Giám đốc trước đây.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Tại ngày 31/12/2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	538	100.0%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	113	21.0%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	35	6.5%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	6	1.1%
4	Lao động phổ thông	384	71.4%
II	Theo đối tượng lao động	538	100.0%
1	Lao động trực tiếp	368	68.4%
2	Lao động gián tiếp	170	31.6%
III	Theo giới tính	538	100.0%
1	Nam	228	42.4%
2	Nữ	310	57.6%
IV	Theo cấp quản lý	538	100.0%
1	Quản lý cấp cao	7	1.3%
2	Quản lý cấp trung	27	5.0%
3	Công, nhân viên	504	93.7%

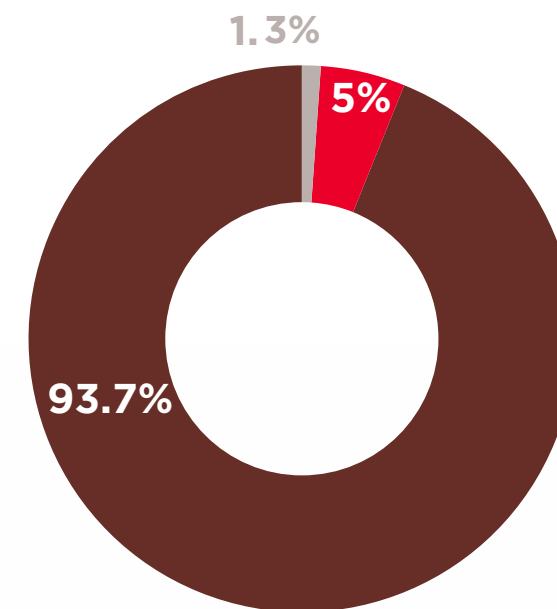


BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ



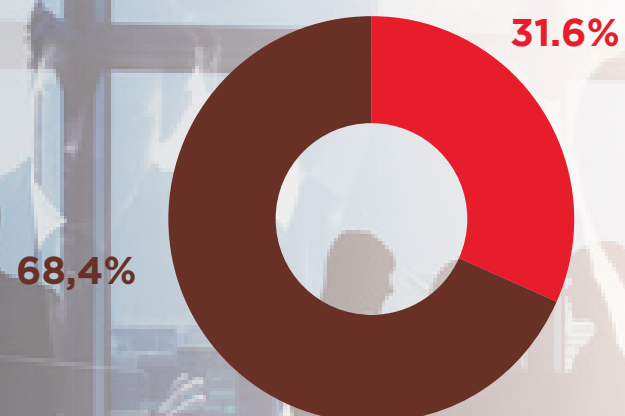
Theo trình độ lao động

- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông



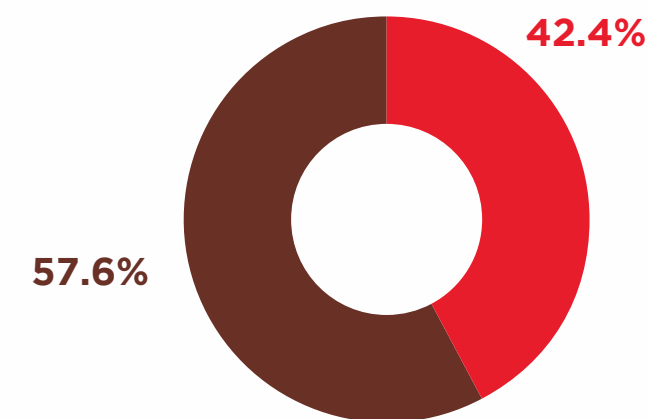
Theo cấp quản lý

- Quản lý cấp cao
- Quản lý cấp trung
- Công, nhân viên



Theo đối tượng lao động

- Lao động gián tiếp
- Lao động trực tiếp



Theo giới tính

- Nam
- Nữ





CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc 5.5 ngày/tuần (nghỉ chiều thứ 7 và ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1.5h. Bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần (nghỉ ngày chủ nhật), 8h/ngày, nghỉ trưa 1.5h.

Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát.

Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Tăng cường tuyển dụng mạng lưới nhân sự thực tập sinh để tìm kiếm nhân sự tiềm năng, thích nghi môi trường văn hóa, bên cạnh đó góp phần tiết giảm chi phí nhân sự. Ưu tiên tuyển dụng nhân sự địa phương phù hợp với xu thế chuyển dịch lao động hiện nay, nhằm tạo sự ổn định và gắn kết.

Minh bạch trong hoạt động tuyển dụng. Tuân thủ các điều khoản liên quan tới chính sách môi trường và xã hội, chính sách bình đẳng giới trong hoạt động tuyển dụng.

Chính sách đào tạo: Lấy phương pháp thẻ điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp, trong đó Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ “Học hỏi và Phát triển”, vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Đối với nhân sự trong nhóm 100 lao động chủ chốt của Công ty: Được cấp học bổng tham gia các khóa đào tạo thạc sĩ trong và ngoài nước, các khóa đào tạo hoàn thiện chứng chỉ, văn bằng; Được tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu để bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, các kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Chính sách lương: Công ty áp dụng chính sách lương 3P (chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động, Cụ thể:

Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công tác.

Lương P2: Trả theo năng lực (đánh giá 1 năm/lần theo công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân)

Lương P3: Trả theo hiệu quả công việc của khối/phòng và của từng cá nhân. Hằng tháng/quý/năm, Công ty sẽ đánh giá hiệu quả công việc dựa trên tiêu chí được xây dựng riêng cho mỗi khối/phòng, và chi lương P3 cho khối/phòng đó. Khối/phòng dựa trên kết quả đóng góp của nhân viên để phân thưởng về từng cá nhân.



Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động công ty.



Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết, ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

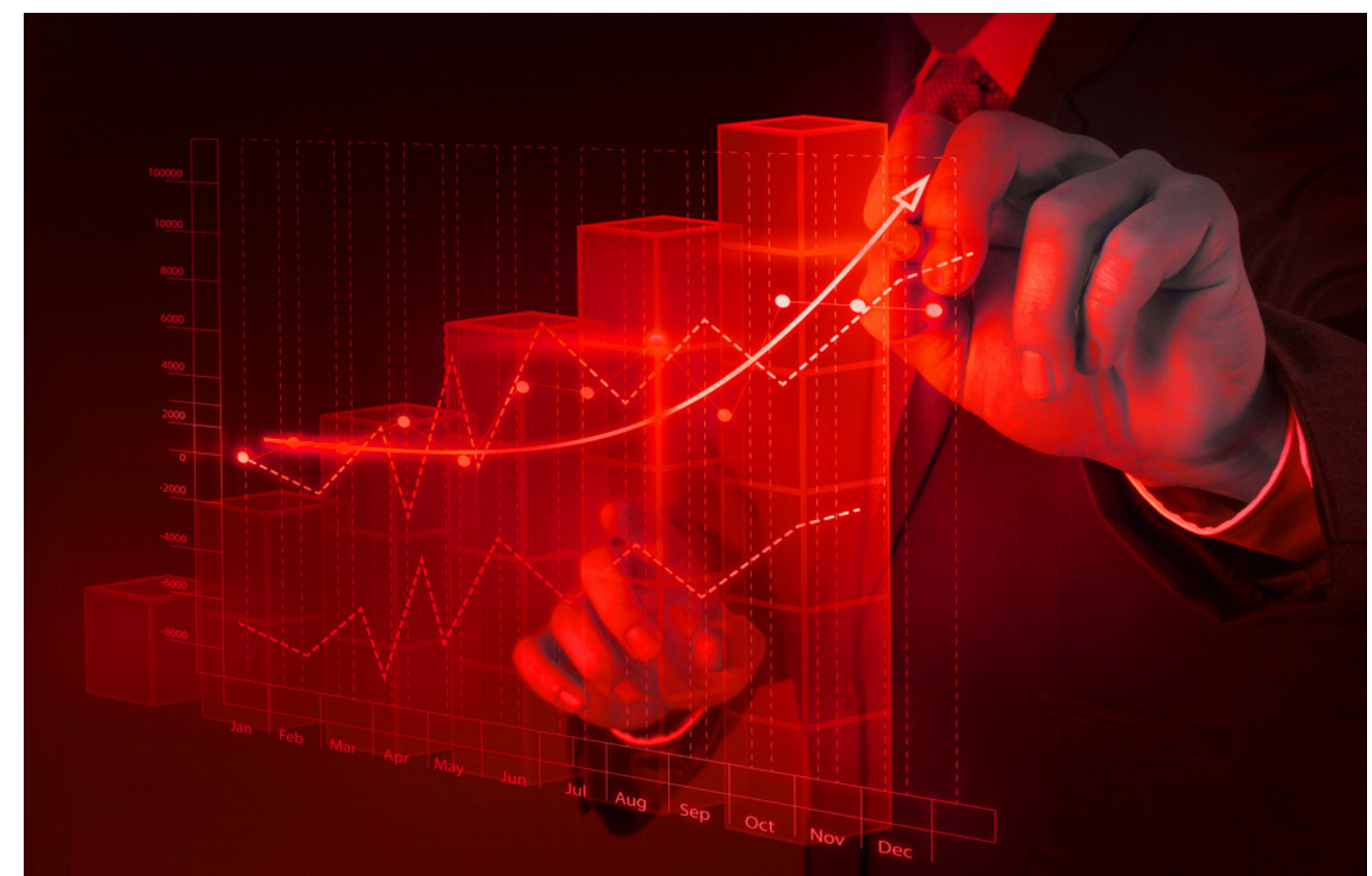
Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, ở trong nước, làn sóng dịch bùng phát từ cuối tháng 4/2021 do biến chủng Delta, với tốc độ lây lan nhanh chóng, diễn biến phức tạp, đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Nafoods nói riêng. Mặc dù vậy, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự đoàn kết, chia sẻ của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng thông điệp xuyên suốt **“Hiệu quả - Quản trị - Số hoá”**, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods vẫn ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

- **Doanh thu thuần** của Công ty đạt 1,614.7 tỷ đồng, tăng 34.3% so với năm trước, vượt 7.6% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao phó. **Lợi nhuận sau thuế** đạt 77.6 tỷ đồng, tăng 26.6% so với năm trước, vượt 2.1% kế hoạch.
- **Công tác kinh doanh - thị trường** ghi nhận kết quả khả quan với việc duy trì tốt các thị trường, đối tác truyền thống; mở rộng và đa dạng thêm nhiều thị trường và khách hàng mới tiềm năng. Các mảng kinh doanh cốt lõi dần định hình chiến lược khách hàng và sản phẩm, tính chuyên gia, đội ngũ nhân sự kinh doanh. Đặc biệt, nhóm sản phẩm sắn, hạt dinh dưỡng tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực, đóng góp ngày càng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- **Công tác cung ứng nguyên liệu**, vận hành sản xuất linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo an toàn, sức khoẻ người lao động trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp.
- **Công tác tài chính - kế toán - ngân quỹ** ghi nhận nỗ lực trong việc kiểm soát ngân sách, dòng tiền, giảm lãi suất huy động bình quân, tiết giảm chi phí lãi vay.
- **Công tác hành chính, nhân sự** đạt thành công trong việc thực hiện tối ưu ngân sách nhân sự toàn hệ thống. Đội ngũ nhân sự vận hành chủ chốt cho mảng nông nghiệp (Ban điều hành - Top 50) được hình thành và các chính sách cơ bản được xác lập, đảm bảo tính kế thừa và sự vận hành ổn định của hệ thống.

- **Công tác số hoá, ứng dụng công nghệ thông tin** được đầu tư bài bản. Quá trình chuyển đổi số giai đoạn 1 với các dữ liệu vận hành phục vụ ra quyết định hàng ngày cơ bản được hoàn tất.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

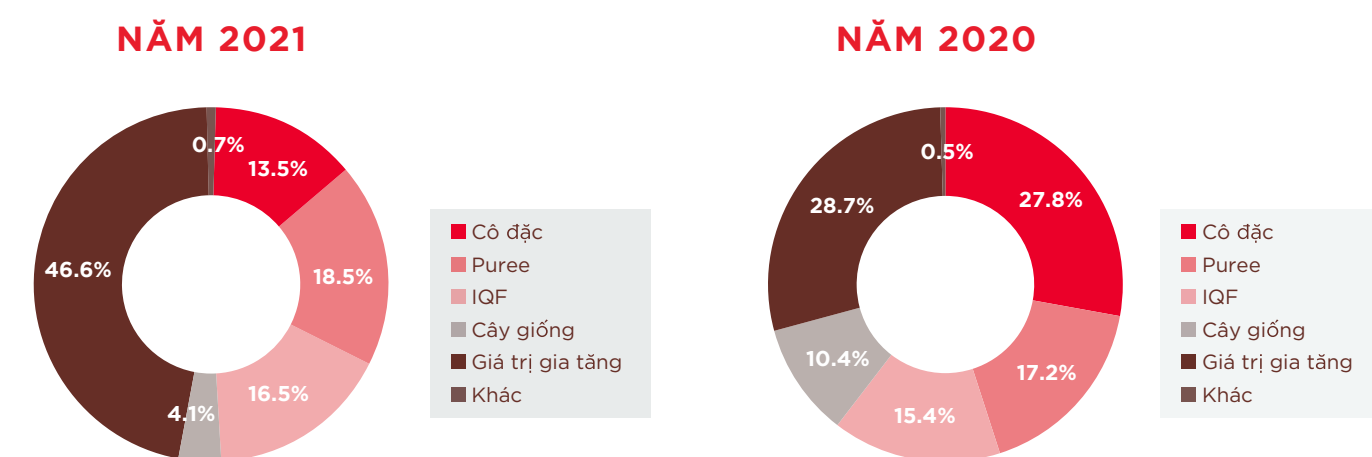
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu	1,500.0	1,614.7	107.6%
Lợi nhuận gộp	300	291.5	97.2%
Lợi nhuận trước thuế	94	90.4	96.2%
Lợi nhuận sau thuế	76	77.6	102.1%



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU

Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm:



Năm 2021, **nhóm các sản phẩm công nghiệp** đạt 784.0 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 7.9% so với cùng kỳ, đóng góp 48.6% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong đó, **nhóm sản phẩm nước ép cô đặc** đạt 218.1 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 34.9% so với năm 2020, đóng góp 13.5%. **Nhóm sản phẩm nước ép Puree/NFC** đạt 299.2 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 44.9% so với năm 2020, đóng góp 18.5%. **Nhóm sản phẩm IQF** đạt 266.7 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 43.9% so với năm trước, đóng góp 16.5% trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

Đáng chú ý, **nhóm các sản phẩm giá trị gia tăng** (sấy, hạt) tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh và đóng góp ngày càng cao trong tổng doanh thu của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần nhóm này năm 2021 đạt 753.1 tỷ đồng, tăng 118.0% so với cùng kỳ, đóng góp 46.6% tổng doanh thu thuần của Công ty.

Nhóm sản phẩm cây giống năm 2021 đóng góp 4.1% tổng doanh thu của Công ty, đạt 65.6 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 47.4% so với năm trước.

Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2020	2021	+/-% tăng trưởng
Cô đặc	334.9	218.1	-34.9%
Puree	206.5	299.2	44.9%
IQF	185.4	266.7	43.9%
GTGT	345.5	753.1	118.0%
Cây giống	124.7	65.6	-47.4%
Khác	5.7	12.0	110.2%
Tổng	1,202.7	1,614.7	34.3%

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	2020	2021	+/-% tăng trưởng
Cô đặc	47.4	37.5	-20.9%
Puree	32.1	47.5	48.2%
IQF	45.5	90.8	99.4%
GTGT	61.1	78.9	29.1%
Cây giống	67.8	34.6	-48.9%
Khác	0.9	2.1	127.8%
Tổng	254.9	291.5	14.4%

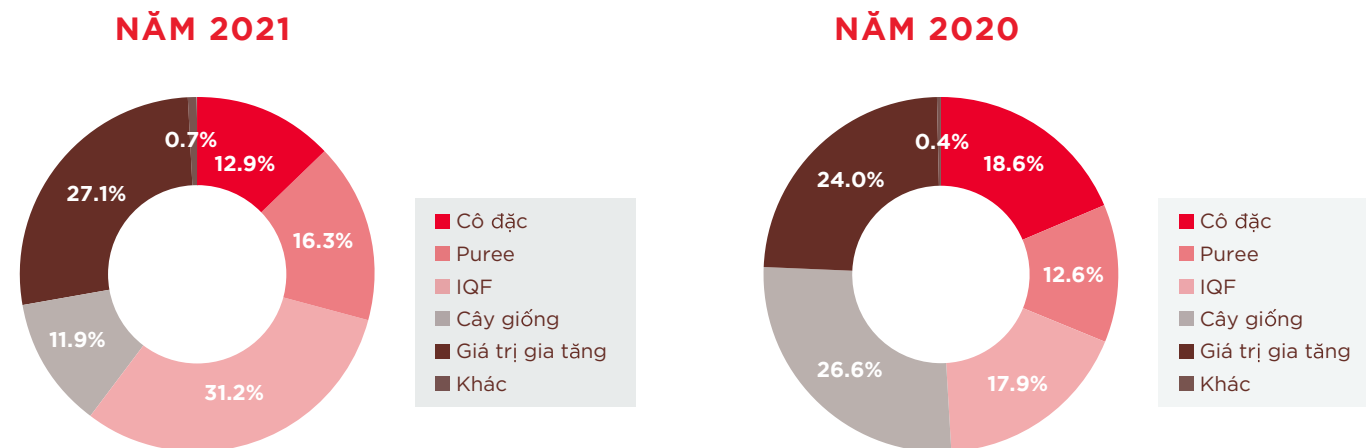
Năm 2021, **nhóm các sản phẩm công nghiệp** đạt 175.9 tỷ đồng lợi nhuận gộp, tăng 40.6% so với cùng kỳ, đóng góp 60.3% tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Trong đó, lợi nhuận gộp của **nhóm sản phẩm nước ép cô đặc** năm 2021 đạt 37.5 tỷ đồng, giảm 20.9% so với năm trước, đóng góp 12.9% tổng lợi nhuận gộp. **Nhóm sản phẩm nước ép Puree/NFC** đạt 47.5 tỷ đồng, tăng mạnh 48.2% so với năm trước, đóng góp 16.3% tổng lợi nhuận gộp. **Nhóm sản phẩm IQF** đạt 90.8 tỷ đồng lợi nhuận gộp, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ, đóng góp 31.2% tổng lợi nhuận gộp.



Nhóm sản phẩm Giá trị gia tăng trong năm đạt 78.9 tỷ đồng lợi nhuận gộp, tăng 29.1% so với năm 2020, đóng góp 27.1% tổng lợi nhuận gộp.

Tương tự doanh thu thuần, **nhóm sản phẩm cây giống** năm 2021 đạt 34.8 tỷ đồng lợi nhuận gộp, giảm 48.9% so với năm trước, đóng góp 11.9% tổng lợi nhuận gộp.

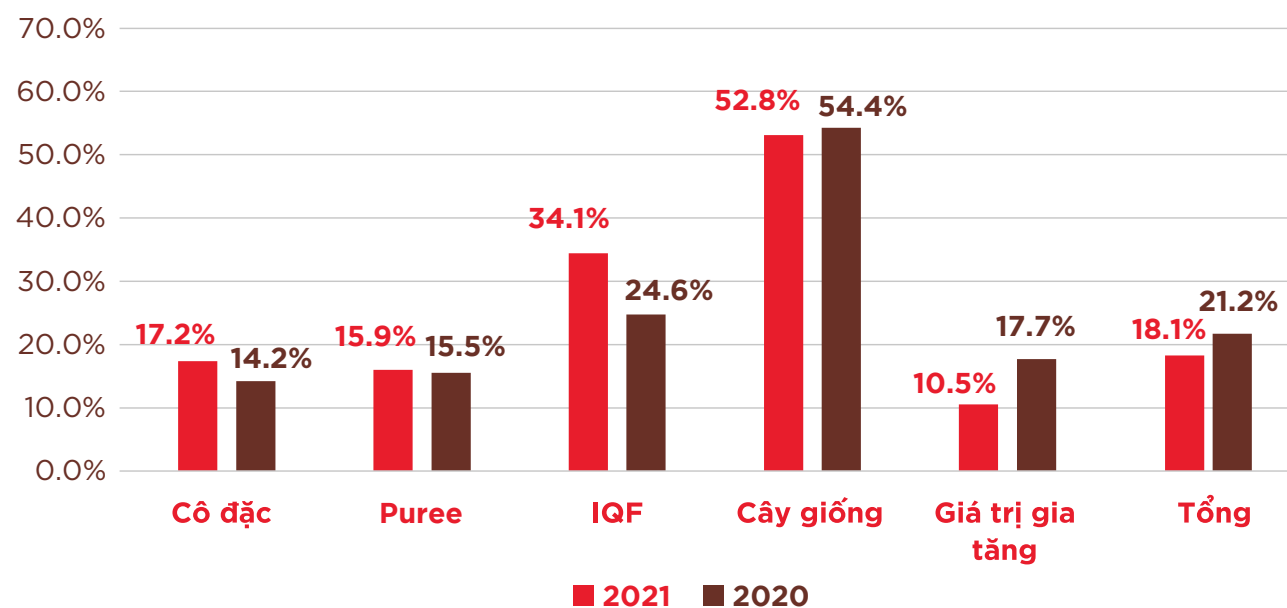
Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm:



Biên lợi nhuận gộp

Biên lợi nhuận gộp của Công ty năm 2021 đạt 18.1%, giảm 3.1 điểm phần trăm so với năm 2020. Trong đó, **nhóm sản phẩm công nghiệp** có biên lợi nhuận gộp đạt 22.4%, tăng 5.2 điểm phần trăm so với năm trước, chủ yếu nhờ sự cải thiện mạnh biên lợi nhuận gộp của **nhóm sản phẩm IQF** (+9.5 điểm %).

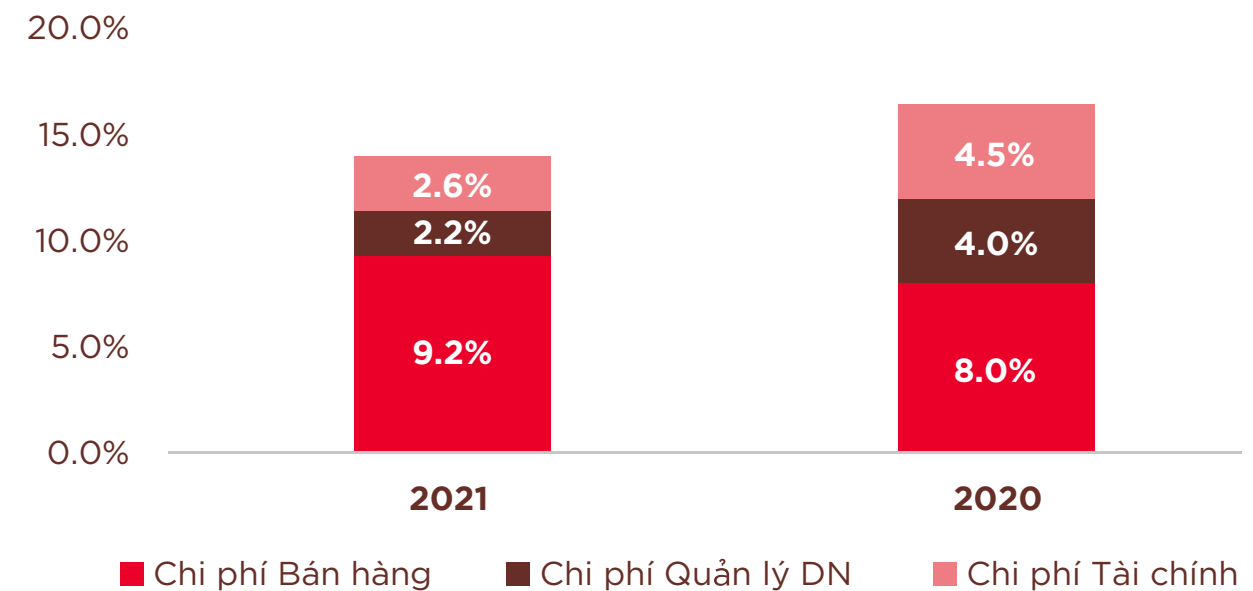
BIÊN LỢI NHUẬN GỘP CÁC NHÓM SẢN PHẨM



Trong khi đó, **nhóm sản phẩm giá trị gia tăng** và **cây giống** có sự sụt giảm biên lợi nhuận gộp do cạnh tranh cao hơn (cây giống) và chi phí đầu vào cao hơn (nhóm giá trị gia tăng).

CƠ CẤU CHI PHÍ

CHI PHÍ/DOANH THU THUẦN



Chi phí bán hàng năm 2021 ở mức 147.8 tỷ đồng, tăng 51.9 tỷ đồng (+54.0%) so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu năm 2021 đạt 9.2%, tăng 1.2 điểm phần trăm so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do dịch bệnh khiến chi phí cước biển, logistic tăng mạnh.

Chi phí Quản lý doanh nghiệp năm 2021 ở mức 34.8 tỷ đồng, giảm 12.8 tỷ đồng (-26.9%) so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí quản lý trên doanh thu năm 2021 đạt 2.2%, giảm 1.8 điểm phần trăm. Nguyên nhân khiến chi phí quản lý năm nay giảm do: (1) Năm 2021 không còn khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi (5.7 tỷ đồng) như năm trước; và (2) Tình hình dịch bệnh khiến công ty tăng cường các cuộc họp trực tuyến, giúp tiết giảm chi phí di chuyển, đi lại của cán bộ quản lý.

Chi phí tài chính (chủ yếu là chi phí lãi vay) năm 2021 ở mức 42.2 tỷ đồng, giảm 11.4 tỷ (-21.3%) so với cùng kỳ do lãi suất vay ngắn hạn giảm. Trong năm, bộ phận tài chính đã tích cực cơ cấu các khoản vay bằng VNĐ sang USD với lãi suất thấp hơn. Cùng với việc tỷ giá USD/VNĐ trong năm ổn định, đã giúp Công ty tiết giảm khoản chi phí tài chính đáng kể. Tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu năm 2021 đạt 2.6%, giảm 1.8 điểm phần trăm so với năm trước.

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

KHẢ NĂNG THANH TOÁN	ĐVT	2021	2020	Tăng/giảm
Tỷ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.47	1.63	-0.17
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1.28	1.34	-0.06

Năm 2021, các chỉ số khả năng thanh toán của Công ty có sự sụt giảm nhẹ so với năm trước, do các khoản nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn tài sản ngắn hạn. Nhìn chung, các chỉ số này đều duy trì trên mức an toàn (1 lần) khá xa, đảm bảo khả năng thanh toán.

CƠ CẤU VỐN	ĐVT	2021	2020	Tăng/giảm
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0.49	0.51	-0.02
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.98	1.04	-0.06
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.68	0.70	-0.02

Tỷ lệ Tổng nợ phải trả trên Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2021 đều giảm so với năm trước, do vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn tổng nợ phải trả. Tương tự, tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu năm 2021 cũng giảm nhẹ so với cùng kỳ.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG	ĐVT	2021	2020	Tăng/giảm
Vòng quay khoản phải thu	Lần	3.22	2.63	0.59
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8.58	5.87	2.71
Vòng quay Tổng tài sản	Lần	1.01	0.86	0.16

Doanh thu tăng, trong khi các khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho đều giảm trong năm 2021 giúp cải thiện các chỉ số năng lực hoạt động so với cùng kỳ.

KHẢ NĂNG SINH LỜI	ĐVT	2021	2020	Tăng/giảm
ROE	%	9.78%	8.56%	1.22%
ROA	%	4.87%	4.37%	0.50%

Biên lợi nhuận và năng lực hoạt động cải thiện giúp các chỉ số khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản trong năm đều tăng so với cùng kỳ.

CHỈ TIÊU (TỶ ĐỒNG)	ĐVT	2020	2021	%Tăng/giảm
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	1,533.38	1,654.06	7.87%
- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	972.42	1,029.32	5.85%
- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	560.96	624.74	11.37%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	782.47	817.66	4.50%
- Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	594.81	700.84	17.83%
- Nợ dài hạn	Tỷ đồng	187.67	116.82	-37.75%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	750.91	836.40	11.39%
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,202.67	1,614.65	34.26%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	254.88	291.46	14.35%
Chi phí Bán hàng	Tỷ đồng	95.98	147.84	54.04%
Chi phí Quản lý	Tỷ đồng	47.57	34.76	-26.94%
EBIT	Tỷ đồng	111.33	108.87	-2.22%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	53.64	42.20	-21.33%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65.09	90.42	38.92%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	61.31	77.61	26.57%
EBITDA	Tỷ đồng	134.27	135.71	1.07%
KẾT QUẢ KINH DOANH				
LCTT từ HĐ Kinh Doanh	Tỷ đồng	39.10	107.89	175.92%
LCTT từ HĐ Đầu tư	Tỷ đồng	-85.39	-140.20	64.19%
LCTT từ HĐ Tài chính	Tỷ đồng	59.24	57.16	-3.52%
LCTT thuần trong kỳ	Tỷ đồng	12.96	24.85	91.78%



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Bước sang năm 2022, theo dự báo của các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới sẽ phục hồi tương đối tích cực, tuy vậy, vẫn thấp hơn dự báo tăng trưởng năm 2021. Nguyên nhân, do kinh tế toàn cầu có thể đối mặt với một số thách thức như dịch bệnh chưa thể kết thúc ngay; nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại; xung đột Nga - Ukraine và những căng thẳng địa chính trị đẩy giá nhiên, nguyên vật liệu tăng cao; tình hình lạm phát tại một số nước ở mức cao, các nước thắt chặt tiền tệ, giảm bớt gói hỗ trợ, nâng cao lãi suất.

Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành nhận định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods dự kiến cũng sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Cụ thể:

- Giá các loại nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong khi áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty;
- Các lệnh trừng phạt kinh tế nhằm vào Nga tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường này;
- Giá dầu leo thang sau các căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển, logistic;
- Áp lực lạm phát, tăng lãi suất ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và khả năng huy động vốn của Công ty.



Với trách nhiệm cao trước các cổ đông, Ban Điều hành cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên cam kết đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được các mục tiêu:

Doanh thu thuần: 1,800 tỷ đồng, tăng 11.5% so với thực hiện năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế: 82 tỷ đồng, tăng 5.7% so với thực hiện năm 2021.

- Hoàn thành các hạng mục đầu tư xây dựng và hồ sơ pháp lý liên quan cho dự án Nasoco 2 và Nafoods Tây Nguyên 2.
- Giành lại vị thế số 1 thị phần xuất khẩu các sản phẩm nước ép chanh leo. Tăng thị phần và giữ vững vị thế số 1 thị phần xuất khẩu thanh long (IQF, Puree).
- Hoàn thiện chất lượng sản phẩm và chuỗi cung ứng mangan Sấy để cải thiện biên lợi nhuận, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh các sản phẩm Sấy ngoài thị trường Nga.
- Nâng cấp chuyển đổi hệ thống quản trị chất lượng đáp ứng đồng nhất tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng, đưa claim ổn định ở mức không quá 0.5% doanh thu.
- Quản trị tốt hàng tồn kho, theo dõi sát biến động giá nguyên liệu để có chính sách điều tiết hợp lý, lưu kho chủ động.
- Cập nhật biến động tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt biến động tỷ giá và lãi suất, để có chính sách quản lý dòng tiền hiệu quả, tiết giảm chi phí tài chính.
- Hoàn thiện quy trình và nâng cao năng lực lập và kiểm soát kế hoạch.
- Tăng cường năng lực M&A, đặc biệt ở khâu thẩm định, đánh giá, huy động vốn và thương lượng chốt giao dịch với đối tác.
- Hoàn tất quá trình chuyển đổi số giai đoạn 2, bao gồm các phân hệ tài chính kế toán, hệ thống báo cáo quản trị, phân tích tham mưu, hệ thống tương tác với đối tác bên ngoài (khách hàng, nhà cung cấp...).





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, HĐQT tiếp tục bám sát các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tổ chức, triển khai và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại ĐHĐCĐ. Các thành viên HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã thực thi các nhiệm vụ một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, và các quy chế hoạt động của Công ty.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HĐQT

Trong năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Bộ, ông Ryan Walter Galloway và ông Dung T Trung, bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với bà Điền Thị Lan Phương. Danh sách thành viên và cơ cấu tổ chức của HĐQT hiện tại cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	23,527,223	46.5%
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	2,225,805	4.4%
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	TV HĐQT (không điều hành)	274,666	0.5%
4	Ông Johan de Geer	TV HĐQT (không điều hành)	2,983,267*	5.9%
5	Ông Johan Nyvene	TV HĐQT độc lập	50,000	0.1%
6	Bà Điền Thị Lan Phương	TV HĐQT độc lập	-	-
7	Ông Phạm Duy Thái	TV HĐQT (điều hành)	494,276	1.0%



CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

Trong năm HĐQT đã tiến hành 8 cuộc họp HĐQT, lấy ý kiến bằng văn bản để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Số buổi họp tham dự và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	8/8	100%
2	Bà Phan Thị Minh Châu	8/8	100%
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	8/8	100%
4	Ông Nguyễn Văn Bộ	2/2	100%
5	Ông Johan de Geer	8/8	100%
6	Ông Phạm Duy Thái	8/8	100%
7	Ông Ryan Walter Galloway	1/2	50%
8	Ông Dung T Trung	4/4	100%
9	Ông Johan Nyvene	8/8	100%
10	Bà Điền Thị Lan Phương	2/2	100%

*Đại diện cho Quỹ Endurance Capital Vietnam I Ltd



CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	22/02/2021	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
2	02/2021/NQ-HĐQT	31/03/2021	Thông qua phương án thoái vốn của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Dược liệu Quế Phong, Công ty CP Nông nghiệp La Giang, và Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng.	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	25/04/2021	Thông qua Bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Tổng giám đốc; Bổ nhiệm chủ tịch các ủy ban trực thuộc HĐQT; Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty; Thông qua việc HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định, ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với một bên khác, không phải là bên liên quan với Tổng Giám đốc; Thông qua việc HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định, ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư giữa Công ty với một bên khác, không phải là bên liên quan với Chủ tịch HĐQT; Thông qua Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT, trên cơ sở đó phân bổ thù lao cho các thành viên HĐQT theo mức thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt	100%
4	04/2021/NQ-HĐQT	18/06/2021	Đồng ý và thông qua tất cả các Hợp đồng Cấp Tín Dụng ký giữa Công ty CP Nafoods Group và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	100%
5	05/2021/NQ-HĐQT	14/07/2021	Thông qua ngày Đăng ký cuối cùng thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
6	06/2021/NQ-HĐQT	14/07/2021	Thông qua triển khai phương án phát hành CP theo chương trình ESOP 2020	100%
7	07/2021/NQ-HĐQT	12/08/2021	Thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2021, kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2021; Thông qua sơ đồ cơ cấu tổ chức Ban điều hành của Công ty CP Nafoods Group và Danh sách thành viên Ban điều hành; Thông qua các Tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
8	08/2021/NQ-HĐQT	13/09/2021	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp phát hành cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài.	100%
9	09/2021/NQ-HĐQT	18/10/2021	Thông qua việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT; Thông qua việc bầu và sắp xếp nhân sự các Ủy ban trực thuộc HĐQT	100%



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2021, HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ, làm việc trực tiếp với Ban Điều hành theo các nội dung mà HĐQT xét thấy cần thiết để kịp thời chỉ đạo các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ BĐH và các cán bộ quản lý khác trong việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT;
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giữa HĐQT và BĐH về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đến các công ty trong hệ thống, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, xây dựng các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của BĐH;
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành Sản xuất kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của BĐH gửi báo cáo HĐQT;
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với BĐH trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành Sản xuất kinh doanh;
- Thường xuyên và đột xuất kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của BĐH;
- Tiến hành kiểm soát nội bộ tại Công ty và các Công ty trong hệ thống Nafoods Group;
- Giám sát việc công bố thông tin và nộp các báo cáo theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

Với những kết quả đạt được trong năm 2021, một năm chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, HĐQT đánh giá: Tổng Giám đốc và Ban Điều hành tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Đặc biệt, Ban Điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận được ĐHĐCĐ thường niên giao phó, đảm bảo ổn định thu nhập, việc làm, sức khoẻ cho 100% người lao động trong toàn hệ thống.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Ủy ban chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã thực hiện hỗ trợ tham mưu, soát xét các văn bản liên quan đến chiến lược, nhân sự, lương thưởng của hệ thống trước khi trình HĐQT, thực hiện công việc giám sát các hoạt động liên quan đến Chiến lược, nhân sự và lương thưởng của Ban điều hành. Ngoài ra, đại diện Ủy ban nhân sự và lương thưởng còn tham gia vào công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật các nhân sự trong hệ thống, thuộc quyền hạn của mình.

Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện vai trò của mình thông qua việc soát xét báo cáo và tình hình tài chính, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Ủy ban Kiểm toán cũng đóng vai trò định hướng, tham gia hỗ trợ Ban Điều hành trong việc nâng cấp hệ thống báo cáo quản trị, cải thiện khả năng lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách của Tập đoàn.

Ủy ban Đầu tư bước đầu hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban, tham gia có ý kiến tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng của HĐQT thường trực cùng Ban Điều hành.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Năm 2022, HĐQT tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, với phương hướng hoạt động cụ thể:

- Thông qua chiến lược 2022 -2026 của toàn hệ thống Nafoods Group, chỉ đạo thực hiện thành công chiến lược số hóa giai đoạn 2 sau khi ban hành;
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm và giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh theo định kỳ hàng tháng cũng như hỗ trợ BĐH các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng và kế hoạch kinh doanh và các chỉ số tài chính đã cam kết với Cổ đông của Công ty năm 2022;
- Tăng cường công tác Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, triển khai các cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được duyệt;
- Chỉ đạo và tham gia hỗ trợ tìm kiếm thêm khách hàng mới, phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cũng như kế hoạch ứng phó với tình hình chính trị hiện nay để đảm bảo hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra;
- Chỉ đạo và tham gia hỗ trợ hoạt động M&A, hoạt động quan hệ cổ đông đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra;
- Chỉ đạo việc Công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

UBKT bao gồm 2 thành viên, trong năm 2021 có một số thay đổi như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên	Chức vụ tại HĐQT
1	Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch	Bắt đầu từ 18/10/2021	TV HĐQT độc lập
2	Ông Johan Nyvene	Chủ tịch	Không còn là thành viên từ 18/10/2021	TV HĐQT độc lập
3	Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên	Bắt đầu từ 23/07/2020	TV HĐQT không điều hành

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2021, UBKT đã tổ chức 4 cuộc họp với đầy đủ các thành viên tham gia. Ngoài ra, các thành viên của UBKT thường xuyên làm việc, trao đổi công việc qua email, điện thoại để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự buổi họp
1	Bà Điền Thị Lan Phương	2/2	100%	Bắt đầu là thành viên từ 18/10/2021
2	Ông Johan Nyvene	2/2	100%	Không còn là thành viên từ 18/10/2021
3	Bà Phan Thị Minh Châu	4/4	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2021, UBKT đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty trong công tác quản lý và điều hành.

Đại diện UBKT đã tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán, đồng thời kiểm tra, giám sát việc ban hành, triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Đối với Ban Điều hành, Ủy ban kiểm toán triển khai giám sát việc chấp hành các nghị quyết HĐQT của BDH thông qua việc tiếp cận các báo cáo hoặc tiếp xúc trực tiếp với các thành viên BDH... Bên cạnh đó, Ủy ban Kiểm toán cũng tham gia sâu cùng BDH trong vai trò định hướng, hỗ trợ kỹ thuật, nhằm giúp BDH hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị, nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBKT luôn phối hợp và nhận được sự hợp tác tốt từ các thành viên HĐQT, thành viên BDH và các cán bộ quản lý khác.



KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ, HĐQT

HĐQT Công ty đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tổ chức đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản để ra quyết định. HĐQT đã làm việc trên tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị; giám sát, hỗ trợ BĐH trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

BĐH và các cán bộ quản lý khác đã tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của ĐHĐCĐ, HĐQT. BĐH đã chủ động đưa ra các quyết định điều hành kịp thời, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, khó lường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành, được Công ty TNHH Grant Thornton thực hiện kiểm toán và soát xét.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành tương đối hiệu quả qua các năm. Trong năm, Ủy ban Kiểm toán cũng đã phối hợp cùng Ủy ban Chiến lược, Nhân sự & Lương thưởng xây dựng bộ phân quyền cho toàn Tập đoàn; bảo đảm nguyên tắc kiểm tra chéo, phân cấp phân quyền để hạn chế rủi ro cho Công ty.

Công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro cũng được HĐQT rất quan tâm. Trong năm, UBKT đã và đang được HĐQT giao trách nhiệm chủ trì rà soát, xây dựng quy chế quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc thiết lập, vận hành và đảm bảo việc hoạt động thông suốt của hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro trong Công ty.

DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Đơn vị kiểm toán độc lập Grant Thornton đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Công ty, đáp ứng kỳ vọng của UBKT.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2022

Năm 2022, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của UBKT theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản trị của Công ty, UBKT tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong hoạt động sản xuất & điều hành.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Giám sát, thẩm tra Báo cáo tài chính năm và các Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Kien toan hệ thống, chức năng kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.
- Triển khai hoạt động truyền thông về kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tới HĐQT và các thành viên BĐH, Giám đốc các đơn vị và cán bộ quản lý cấp trung.
- Soát xét và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện hệ thống thông tin ERP và các kho dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin, phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, kế hoạch hóa và kiểm soát nội bộ.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

04

- | TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT
- | MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- | CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH
- | CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- | QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN





Đối với quản trị công ty, Nafoods Group tuân thủ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) phối hợp với Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) soạn thảo và ban hành. Bên cạnh các thông lệ tốt theo quy định pháp luật hiện hành, Bộ Nguyên tắc này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực cao hơn yêu cầu tối thiểu theo quy định pháp luật.

Tình hình thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo Bộ nguyên tắc này tại Nafoods Group:

TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

NGUYÊN TẮC 1: THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT

1.1. Tại Nafoods Group, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua và công bố đầy đủ trên website của Công ty.

1.2. Trong giai đoạn hiện tại, với kiến thức và kinh nghiệm của mình, HĐQT Nafoods Group không chỉ là cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt, mà còn trực tiếp cùng Ban điều hành tham gia vào quá trình xây dựng định hướng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch kinh doanh/ngân sách hàng năm của Công ty với vai trò hỗ trợ về cả kỹ thuật lẫn định hướng. HĐQT cũng thành lập Ủy ban trực thuộc, giám sát hoạt động đầu tư nội bộ cũng như bên ngoài (bao gồm các hoạt động M&A), đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án trước và sau đầu tư.

1.3. Các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận, kiến nghị, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các tài liệu họp đều được yêu cầu gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày họp.

1.4. Các thành viên HĐQT của Nafoods Group đều có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm.

1.5. Ủy ban chiến lược, nhân sự & lương thưởng trực thuộc HĐQT Nafoods Group có trách nhiệm soạn lập/phê duyệt chính sách/chương trình hoạch định nhân sự kế thừa, CEO+1, Top 100, Top 50 và quản trị nhân tài của Công ty (đặc biệt là từ thành viên HĐQT cho đến Cán bộ quản lý); giám sát thực thi và hiệu quả của chính sách/chương trình này.



NGUYÊN TẮC 2: THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Nafoods Group luôn cố gắng duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của công ty, vì lợi ích cao nhất của công ty và toàn bộ cổ đông của công ty.

2.1. Tập thể HĐQT của Công ty sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả.

HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm bảy (07) thành viên, tương đối đa dạng về trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khía cạnh văn hoá (xem chi tiết tại phần giới thiệu các thành viên HĐQT từ trang 42 đến trang 47). Từ đó, cho phép HĐQT tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm, làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn.

HĐQT hiện có hai (02) thành viên là nữ, chiếm 30% tổng số thành viên HĐQT, đảm bảo tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới tính trong HĐQT.

Việc giới thiệu ứng viên để bầu bổ sung, bầu mới thành viên HĐQT cũng được Ủy Ban Chiến lược, Nhân sự và Lương thưởng (trước đây là Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng) trực thuộc HĐQT xem xét cẩn trọng theo quy trình lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHĐCĐ của Công ty theo quy trình đã được ban hành và đang áp dụng tại Công ty.

2.2. HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm sáu (06) thành viên không điều hành, trên tổng số bảy (07) thành viên, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.

2.3. HĐQT Nafoods Group đã bổ nhiệm Thư ký công ty và thành lập Văn phòng HĐQT, trong đó Chánh Văn phòng HĐQT là thành viên HĐQT điều hành (Giám đốc khối Quản trị - Đầu tư), là bộ phận chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT.

NGUYÊN TẮC 3: BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT

3.1. HĐQT đương nhiệm của Công ty có hai (02) thành viên độc lập, đảm bảo quy định tối thiểu 20% số thành viên HĐQT của Công ty là thành viên độc lập (đối với mô hình CTCP không có BKS). Sự có mặt của các thành viên độc lập trong HĐQT bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối



với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty.

3.2. Các thành viên HĐQT độc lập của Công ty (Ông Johan Nyvene và bà Điền Thị Lan Phương) đều có đầy đủ các tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT. Cả hai thành viên này đều có chuyên môn và kinh nghiệm để tham gia và lãnh đạo Ủy Ban Kiểm toán và Ủy ban Đầu tư trực thuộc HĐQT.

3.3. Các thành viên HĐQT độc lập của Công ty đều tham gia HĐQT chưa quá năm (05) năm.

3.4. Chủ tịch HĐQT của Công ty không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, đảm bảo có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình, và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập.

NGUYÊN TẮC 4: THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

HĐQT Nafoods Group đã thành lập ba (03) ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT, bao gồm: Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Chiến lược, Nhân sự & Lương thưởng, để hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng và tránh xung đột lợi ích:

4.1. Ủy ban Kiểm toán của Nafoods Group bao gồm hai (02) thành viên, đều là thành viên HĐQT không điều hành, có kiến thức chuyên môn về kiểm toán nội bộ, kế toán theo chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Chủ tịch Ủy ban – Bà Điền Thị Lan Phương – là thành viên HĐQT độc lập, có chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị.

HĐQT đã thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong đó quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Quy chế này cũng được HĐQT công bố trên website của Công ty.

4.2. Ủy ban Chiến lược, nhân sự & lương thưởng và Ủy ban Đầu tư của Công ty cũng chủ yếu bao gồm các thành viên HĐQT không điều hành. Chủ tịch Ủy ban Đầu tư là Thành viên HĐQT độc lập.

HĐQT cũng đã thông qua và công bố thông tin Quy chế hoạt động của các ủy ban này trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động của các ủy ban.



NGUYÊN TẮC 5: BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT

5.1. Hàng năm, các ủy ban và HĐQT đều tự thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của từng ủy ban và cả HĐQT trong năm, để báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và công bố trong các báo cáo tình hình quản trị, báo cáo thường niên của Công ty.

5.2. ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã thông qua ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao) của HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty. Mức thù lao thực chi trả cho từng thành viên sẽ do Ủy ban Chiến lược, Nhân sự & Lương thưởng đề xuất cho HĐQT xét duyệt dựa trên vai trò, nhiệm vụ, kết quả hoạt động của từng cá nhân và của Công ty trong năm, và tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty đạt được cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.

LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TGD

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương/Thù lao (đồng)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	1,220,000,000
2	Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	500,000,000
3	Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	500,000,000
4	Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	260,000,000
5	Johan De Geer	Thành viên HĐQT	60,000,000
6	Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	120,000,000
7	Điền Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT độc lập (từ 09/2021)	40,000,000
8	Dung T Trung	Chủ tịch HĐQT độc lập (đến 09/2021)	920,000,000
9	Ryan Walter Galloway	Thành viên HĐQT (đến 04/2021)	40,000,000
10	Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT độc lập (đến 04/2021)	40,000,000
11	Đặng Thị Thẩm	Thư ký HĐQT	60,000,000
BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng Ban kiểm soát (đến 04/2021)	12,000,000
2	Hồ Quốc Công	Thành viên Ban kiểm soát (đến 04/2021)	8,000,000
3	Nguyễn Thị Thuỷ	Thành viên Ban kiểm soát (đến 04/2021)	8,000,000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
Tổng lương & thù lao Ban TGD			2,207,490,602



NGUYÊN TẮC 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

6.1. Nafoods Group đã xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc ứng xử vào năm 2016 nhằm nâng cao nhận thức, tạo nên các giá trị văn hóa chung trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Trong đó đặt ra các nguyên tắc ứng xử trong môi trường làm việc, trong kinh doanh; xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ với đối tác và khách hàng; bảo vệ thông tin và tài sản; trách nhiệm xã hội; và lãnh đạo bằng sự liêm chính.

Bộ Quy tắc ứng xử được truyền thông và phổ biến, đặc biệt ngay trong quá trình đào tạo hội nhập để các CBCNV nắm rõ và nâng cao nhận thức.

6.2. Tại Nafoods Group, HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty. HĐQT luôn là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

NGUYÊN TẮC 7: THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

7.1. HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được Ban Điều hành và HĐQT xem xét tới yếu tố rủi ro có liên quan.

7.2. HĐQT cũng đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Đồng thời, ban hành quy chế quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc thiết lập, vận hành và đảm bảo việc hoạt động thông suốt của hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro trong Công ty, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố rủi ro, có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, giảm thiểu rủi ro và chống tái diễn, giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch trong ngắn, dài hạn và mục tiêu phát triển bền vững.

7.3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

NGUYÊN TẮC 8: TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

8.1. Công ty luôn tuân thủ công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trên nguyên tắc chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời theo quy định.

8.2. Ngoài việc CBTT theo quy định trên cổng CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, Website của Công ty hiện là kênh thông tin chính thức để Công ty CBTT chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời đến cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

8.3. Các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội được Công ty CBTT đầy đủ trong Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty. Các chính sách liên quan đến môi trường và xã hội cũng được Công ty công bố trên website.

8.4. Công ty cũng thực hiện công bố đầy đủ các thông tin về lương, thù lao của HĐQT và Ban điều hành trong Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

NGUYÊN TẮC 9: THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

9.1. Quyền của cổ đông được quy định rõ trong Điều lệ của Công ty và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Công ty đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời.

9.2. HĐQT Công ty luôn tuân thủ việc tổ chức ĐHĐCĐ, CBTT thư mời, tài liệu họp, biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ đúng quy trình, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

9.3. Điều lệ Công ty quy định trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. HĐQT Công ty cũng đã xây dựng và thông qua ma trận thẩm quyền phê duyệt các giao dịch với các bên liên quan, bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

Trong năm 2021, các giao dịch kinh doanh giữa Nafoods Group với các bên liên quan (chủ yếu là các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống) được trình bày tại trang 152, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	23,079,323	38.51%	23,527,223	37.39%	Mua cổ phiếu ESOP
2	Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT	2,070,805	3.46%	2,225,805	3.54%	Mua cổ phiếu ESOP
3	Nguyễn Quốc Huân	Thành viên HĐQT	0	0.00%	50,000	0.08%	Mua cổ phiếu ESOP
4	Nguyễn Thị Trang	GĐ Tài chính – Kế toán	133,141	0.22%	226,541	0.36%	Mua cổ phiếu ESOP
5	Ngô Sỹ Mạnh	GĐ Sản xuất và Công nghệ	91,591	0.15%	164,991	0.26%	Mua cổ phiếu ESOP
6	Hồ Hải Quân	GĐ nhân sự	112,504	0.19%	185,904	0.30%	Mua cổ phiếu ESOP
7	Hồ Thị Loan	GĐ Kinh doanh Công nghiệp	101,207	0.17%	112,607	0.18%	Mua cổ phiếu ESOP
8	Nguyễn Thị Phương Hồng	GĐ Kế hoạch & Cung ứng	12,232	0.02%	23,632	0.04%	Mua cổ phiếu ESOP
9	Đặng Thị Loan	Kế toán trưởng	81,659	0.14%	84,659	0.13%	Mua cổ phiếu ESOP
10	Đặng Thị Thắm	Thư ký công ty	51,320	0.09%	53,720	0.09%	Mua cổ phiếu ESOP
11	Nguyễn Mạnh Cường	Con trai Chủ tịch HĐQT	101,200	0.17%	105,400	0.17%	Mua cổ phiếu ESOP
12	Trịnh Thuỷ Nhung	Vợ ông Ngô Sỹ Mạnh – GĐ Sản xuất và Công nghệ	1,710	0.00%	41,710	0.07%	Mua cổ phiếu ESOP
13	Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT/GĐ Quản trị & Đầu tư	500,876	0.84%	494,276	0.79%	Bán – Nhu cầu tài chính cá nhân

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

NGUYÊN TẮC 10: TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Nafoods Group luôn tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan, các bên chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của công ty.

Nafoods Group cam kết tham gia tích cực vào cộng đồng và gắn kết với các bên liên quan, từ chia sẻ thông tin và tham vấn, đến tham gia, đàm phán và quan hệ đối tác để đảm bảo rằng: Thông tin về Môi trường và Xã hội (E&S) có liên quan được tiết lộ và phổ biến; Các khiếu nại từ các bên liên quan bên trong và bên ngoài được phản hồi và quản lý một cách thích hợp thông qua quy trình trao đổi thông tin và giải quyết khiếu nại.



Đại hội cổ đông thường niên 2021





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05

- | Mục tiêu chung
- | Bảo vệ môi trường
- | Lao động và điều kiện làm việc
- | Trách nhiệm với sản phẩm
- | Hỗ trợ phát triển cộng đồng
- | Phát triển kinh tế địa phương

MỤC TIÊU CHUNG

Những năm qua, Nafoods Group đã có những bước phát triển ấn tượng; trở thành một trong những doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm rau củ quả lớn nhất tại Việt Nam và đang không ngừng nỗ lực chinh phục thị trường quốc tế. Nafoods Group luôn xác định nguyên tắc kinh doanh là gắn kết một cách hài hoà giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với cộng đồng, môi trường và xã hội. Vì vậy, Công ty luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc liên tục cải thiện các hoạt động về môi trường và xã hội.

Sau hai (02) năm hình thành và phát triển, nhóm Môi trường và Xã hội (E&S) tại Nafoods đã dẫn đi vào hoạt động ổn định, duy trì cơ cấu gồm 1 Quản lý bảo trợ toàn bộ hệ thống Môi trường và Xã hội toàn hệ thống và các Chuyên viên quản lý môi trường và xã hội tại các nhà máy, vùng trồng và các nhà cung cấp. Nhóm này có trách nhiệm thực thi các tuân thủ, đề xuất và thực thi các sáng kiến cải tiến về môi trường và xã hội, tham mưu cho Ban Điều hành trong hoạt động xây dựng và vận hành chính sách môi trường và xã hội, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề về môi trường, điều kiện làm việc, sức khoẻ & an ninh cộng đồng và chính sách tái định cư sau khi thu hồi đất.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CAM KẾT

Nafoods Group luôn ý thức rằng bất kỳ hoạt động trồng trọt, sản xuất nào cũng có những tác động đến môi trường. Vì thế, chúng tôi luôn cam kết tuân thủ pháp luật về môi trường và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cho tất cả nhân viên và đối tác của chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi luôn cố gắng tìm ra các giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng, nguồn nước và kiểm soát, xử lý tốt phát thải, để giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

Sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng

Sử dụng năng lượng một cách hiệu quả là một trong những mục tiêu được Nafoods Group rất quan tâm và hướng đến trong thời gian vừa qua cũng như trong tương lai. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đưa ra các biện pháp sau:

- Nâng cao chất lượng quản lý, ban hành các nội quy/quy định về việc sử dụng và tiết kiệm nguồn năng lượng;
- Tích cực tuyên truyền và nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, tuân thủ các quy định,

nội quy về tiết kiệm năng lượng cho CBCNV toàn hệ thống, bao gồm cả CBCNV khối sản xuất cũng như khối văn phòng;

- Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng có thể tái tạo;
- Cải tiến sản xuất, nâng công suất nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng.

Sử dụng nguồn nước hiệu quả và tiết kiệm

Nguồn nước được Nafoods Group sử dụng là nguồn nước mặt, được khai thác từ hồ tự nhiên sau đó tiến hành các công đoạn xử lý nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh và đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của Công ty. Ý thức được sự quan trọng của tài nguyên này đối với cuộc sống con người trong bối cảnh nguồn nước ngầm đang cạn kiệt và ô nhiễm, Nafoods Group cam kết sẽ sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất bằng các biện pháp tiết kiệm và tái sử dụng.

Hiện nay Nafoods Group đang tái chế nước chủ yếu bằng phương pháp ngưng tụ cô đặc nước sau quá trình sản xuất. Đối với lượng nước sử dụng không qua tái chế, Nafoods Group có hệ thống xử lý nước đảm bảo các tiêu chuẩn cũng như các quy định của pháp luật. Nguồn nước sau khi đã xử lý được xả thải đúng chỗ và đảm bảo không gây các tác động xấu tới môi trường.

Kiểm soát và xử lý tốt phát thải

Với mục tiêu là giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, Nafoods Group đặt vấn đề về phát thải ngay từ những giai đoạn đầu tiên trong các quy trình quy hoạch xây dựng và cố gắng quản lý chặt chẽ nhất có thể về vấn đề này trong suốt quá trình hoạt động của mình. Chúng tôi tự hào rằng Nafoods Group đang vận hành cơ chế quản lý, kiểm soát và xử lý chất thải đảm bảo an toàn với môi trường tuân theo các tiêu chuẩn tiên tiến trong tất cả các hoạt động của Nafoods Group và sẽ tiếp tục cải tiến hơn trong tương lai.



HÀNH ĐỘNG

Tiêu thụ năng lượng và nước năm 2021:

 **Điện**
10,711,941
Kwh

 **Dầu**
22,545
Lít

 **Nước**
373,505
m³

 **Mùn cưa, hạt tái chế***
1,536
Tấn

*Nafoods không sử dụng Khí thiên nhiên vào sản xuất và sử dụng mùn cưa, hạt chanh dây làm nguyên liệu đốt tạo năng lượng.

Các giải pháp kiểm soát và xử lý phát thải

- Nafoods Group tiếp tục thực hiện hợp đồng với bên thứ ba để thu gom rác thải hữu cơ và vô cơ (không nguy hại) với khối lượng không hạn chế, thu gom và xử lý chất độc hại cho cả chất rắn và chất lỏng.
- Chất thải từ sản xuất như vỏ thanh long, chanh dây, xoài, hạt chanh leo được đốt để tạo năng lượng, hạn chế tối đa phế phẩm nông nghiệp, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng nông sản.

Tuân thủ pháp luật về môi trường:

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường. Năm 2021 không ghi nhận trường hợp bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường.

Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Sáng kiến cải tiến	Nội dung khái quát	Hiệu quả
Cải tiến quy trình xử lý nước cấp và nước thải	- Hệ thống xử lý nước thải: Áp dụng đồng thời phương pháp xử lý sinh học kết hợp phương pháp xử lý hóa học - Hệ thống xử lý nước cấp: Xử lý, tái sử dụng nguồn phát sinh chất thải nguy hại	- Giảm chi phí xử lý nước thải, tăng công suất xử lý nước thải - Tăng thời gian sử dụng vật liệu lọc, giảm chi phí sử dụng vật liệu lọc
Sử dụng sọt nhựa làm khuôn cấp đông sản phẩm nước ép túi 20kg	Thay đổi quy trình cấp đông sản phẩm nước ép túi 20kg	Tiết giảm 20% thời gian cấp đông
Cải tiến máy cắt lát chanh chua IQF	Cải tiến cấu tạo lưỡi dao, cơ cấu nạp nguyên liệu máy cắt quả khổ qua để cắt lát quả chanh chua 5-7mm.	- Công suất máy tăng từ 600kg NL/h lên 1200kg NL/h - Tỷ lệ thu hồi tăng từ 65% lên 78%. - Sản phẩm có kích thước đồng đều, đẹp, đạt spec
Gia công hệ thống rửa quả bằng áp lực.	Gia công hệ thống rửa quả sử dụng bơm áp lực, bồn sục rửa để rửa nguyên liệu thanh long, dứa	- Giảm chi phí nhân công cắt tai nguyên liệu thanh long quả. - Đảm bảo chất lượng nguyên liệu sau khi rửa
Chế tạo máy cắt lát dứa khoanh BTP	Máy cắt lát dứa 13-17mm, kích thước đồng đều	- Sản phẩm đạt yêu cầu về kích thước - Công suất cắt 300kg/h
Cải tiến mạch điều khiển hoạt động cụm máy lạnh hầm IQF	Cải tiến chuyển từ hệ thống điều khiển bằng phần mềm PLC kết nối màn hình cảm ứng sang hệ thống điều khiển bằng logic.	Hệ thống hầm IQF không bị sự cố về hệ thống điều khiển, vận hành dễ dàng quan sát dòng điện của các máy nén để có những điều chỉnh và cảnh báo kịp thời
Cải tiến hệ thống làm mát dầu nén hầm đông IQF	Cải tiến lại hệ thống đường làm mát dầu nén đi từ dưới bình lên trên (ngược với đường đi của hệ thống cũ), đúng theo nguyên lý trao đổi nhiệt là dầu nóng nhất sẽ được tiếp xúc với nước có nhiệt độ thấp.	- Hệ thống làm mát dầu hoạt động hiệu quả, giảm nhiệt độ nén từ (90-95) độ C xuống còn (70-85) độ C - Nâng cao hiệu suất lạnh, máy hoạt động ổn định, hiệu quả.





LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

CAM KẾT

Chúng tôi cam kết tôn trọng và thúc đẩy quyền con người trong các mối quan hệ với nhân viên, nhà cung cấp và các đối tác của chúng tôi, bao gồm cả việc tuân thủ quy định cấm lao động trẻ em và lao động cưỡng bức cũng như cấm quấy rối tình dục. Nafoods cam kết thực hiện các tiêu chuẩn cao nhất về hành vi kinh doanh và đạo đức bao gồm việc tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành, cũng như các chính sách, thông lệ và thủ tục của công ty. Nafoods đã và đang hoàn thiện và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo cơ sở vững chắc, văn minh, đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động trong công ty.

Điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe

Nafoods cam kết lực lượng lao động toàn hệ thống được làm việc trong điều kiện và môi trường làm việc an toàn, trong đó:

- Trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.
- Tổ chức hướng dẫn và đào tạo an toàn hàng năm cho người lao động.
- Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy mỗi năm một lần.
- Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe và cung cấp cho nhân viên các gói khám sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn, ngoài bảo hiểm y tế theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Phát triển đội ngũ lao động đa dạng, tôn trọng sự khác biệt và không phân biệt đối xử

Nafoods Group cam kết xây dựng môi trường làm việc văn hoá, văn minh, đối xử nhân viên dựa trên nguyên tắc: “Tôn trọng, bình đẳng, không phân biệt giới tính, vùng miền, tôn giáo.”

Người lao động được đảm bảo tất cả các quyền lợi mà pháp luật quy định

Quan hệ giữa Nafoods Group và người lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nafoods Group cam kết đảm bảo tất cả các quyền lợi của người lao động thuộc công ty:

- Mọi quyền lợi của người lao động theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.
- Nafoods Group tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

- Nafoods Group sẽ xử lý nghiêm các vấn đề liên quan đến quấy rối tình dục nếu có xảy ra.
- Thỏa ước lao động tập thể được áp dụng cho toàn bộ nhân viên.
- Công đoàn là tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Giá trị lao động của nhân viên được ghi nhận và bù đắp thoả đáng

Luôn ghi nhận và trân trọng sự nỗ lực cùng với các giá trị lao động của tất cả các nhân viên trong hành trình lớn mạnh và trong từng thành công của Nafoods Group, chúng tôi muốn từng thành viên của công ty nhận được những gì họ xứng đáng. Tại Nafoods Group chúng tôi có các chính sách về tiền lương rõ ràng và công bằng để đảm bảo từng thành viên của Nafoods Group sẽ có một mức thu nhập tốt và thoả đáng với công sức và tâm huyết của họ.

Phát triển nhân viên

Tại Nafoods Group, chúng tôi nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nhân viên trong vấn đề xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả và tích cực. Vì thế, Nafoods Group dành một phần ngân sách không nhỏ cho các hoạt động đào tạo nhân viên thường niên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài. Chúng tôi mong muốn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất cho nhân viên của mình nâng cao kiến thức, phát triển bản thân đồng thời đóng góp cho sự phát triển công ty và cộng đồng.

Người lao động của các đối tác trong chuỗi cung ứng

Trong quan điểm về người lao động của Nafoods Group, chúng tôi không những chỉ quan tâm tới những nhân lực trực thuộc công ty mà còn quan tâm đến lực lượng lao động gián tiếp làm việc trong chuỗi cung ứng của mình.

Đối với nhà cung cấp dịch vụ lao động, chúng tôi yêu cầu:

- Phải ký kết hợp đồng lao động với những người lao động sẽ tham gia vào công việc của Nafoods Group.
- Đóng bảo hiểm xã hội, tổ chức hoạt động công đoàn và các chế độ khác theo quy định của pháp luật cho người lao động.
- Có chế độ bảo hiểm tai nạn cho người lao động 24/24.
- Tất cả các yêu cầu này đều được cam kết trong hợp đồng giữa Nafoods Group và nhà cung cấp dịch vụ lao động. Chúng tôi cũng chấp nhận việc tính các chi phí phát sinh vào phí dịch vụ của mình.

HÀNH ĐỘNG

Sức khỏe và an toàn lao động

Tổng số lao động toàn hệ thống Nafoods Group năm 2021 là 538 người tại trụ sở chính và văn phòng đại diện, nhà máy chế biến, vùng trồng, trong đó có 368 lao động trực tiếp và 170 lao động gián tiếp, với tổng 1,267,566 giờ công. Lao động tại các nhà máy chế biến và các vùng trồng được trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Năm 2021 không ghi nhận sự việc liên quan đến tai nạn lao động/thương tích nghề nghiệp.

Hoạt động đào tạo

Năm 2021 Nafoods Group đã tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ, phối hợp với các tổ chức bên ngoài để đào tạo các nội dung liên quan đến các vấn đề môi trường, xã hội, sức khỏe và an toàn tại các cơ sở sản xuất chế biến trong hệ thống, cụ thể:

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ● PRP trong an toàn thực phẩm ● Quy trình vận hành tiêu chuẩn vệ sinh SSOP ● Vệ sinh an toàn thực phẩm Các tiêu chuẩn HACCP, FSSC ● 22000, SMETA, BRC Hướng dẫn vận hành thiết bị | <ul style="list-style-type: none"> ● An toàn vệ sinh lao động ● Hệ thống phòng cháy chữa cháy ● Quản lý và sử dụng hóa chất, vật liệu nguy hiểm ● Quy trình vận hành tiêu chuẩn ● Quy trình sản xuất thức sản phẩm cô đặc và IQF |
|--|---|

Bên cạnh đó, trong năm 2021, Công ty đã tổ chức, nâng cấp chương trình đào tạo 360° toàn hệ thống về xây dựng văn hóa làm việc, phương pháp gắn kết đội ngũ, chia sẻ tư duy bán hàng chuyên nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị bền vững; phối hợp với các chuyên gia tư vấn từ Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) tổ chức chuỗi chương trình đào tạo, nâng cấp khối Quản trị chất lượng toàn hệ thống.



Chương trình đào tạo nội bộ, nâng cấp khối Quản trị chất lượng toàn hệ thống

TRÁCH NHIỆM VỚI SẢN PHẨM

Nafoods Group cam kết mỗi sản phẩm của Nafoods Group đều là kết quả của một chu trình khép kín đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiêm ngặt.

Nghiên cứu sản phẩm an toàn

Chiến lược phát triển sản phẩm của Nafoods Group từ trước tới nay vẫn luôn hướng đến sự an toàn và lợi ích sức khỏe của khách hàng, cộng đồng. Vì thế chúng tôi vô cùng cẩn trọng trong từng giai đoạn: từ lựa chọn nguồn nguyên liệu đến thiết kế kiểu dáng bao bì sản phẩm nhằm đảm bảo sự an toàn tối đa cho người sử dụng. Ngoài ra, chúng tôi tuyệt đối không sử dụng những thành phần có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng, đảm bảo không có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho tất cả sản phẩm của Nafoods Group hiện tại và tương lai.

Chuỗi giá trị khép kín

Với chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất giống, trồng trọt, phân bón, chế biến và vận chuyển thành phẩm tới khách hàng hiện có, năm 2021 Nafoods Group tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng chi tiết của quy trình nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm an toàn, đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Công ty đã ứng dụng hệ thống QR Code để truy xuất nguồn gốc cây giống.

Thiết bị, công nghệ hiện đại

Để đảm bảo chất lượng tuyệt vời của sản phẩm, Nafoods Group không ngừng nghiên cứu, đầu tư cho các thiết bị và công nghệ hiện đại và tự hào rằng chúng tôi đang sở hữu những dây chuyền sản xuất tiên tiến hàng đầu trên thế giới.

Quản lý và kiểm soát chất lượng vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế

Nafoods Group luôn coi trọng các công tác quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Chúng tôi áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các tiêu chuẩn quốc tế như Global Gap, BRC, ISO/FSSC 22000, HALAL, KOSHER, HACCP, Fair trade... phù hợp với các nguyên tắc và Tiêu chuẩn hoạt động của IFC, Hướng dẫn chung của WBG (EHS) hiện hành, hướng dẫn cụ thể về lĩnh vực thực phẩm và đồ uống của IFC để kiểm soát chặt chẽ và toàn diện tất cả các công đoạn từ trước, trong, và sau sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn là an toàn.

Thông tin trung thực, đầy đủ cho người tiêu dùng

Nafoods Group cam kết cung cấp đầy đủ và trung thực những thông tin về sản phẩm như quy trình trồng trọt, thu hoạch, chế biến, quy cách đóng gói, điều kiện bảo quản, thời hạn sử dụng để giúp khách hàng lựa chọn và sử dụng sản phẩm của Nafoods Group một cách tối ưu và hài lòng.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

CAM KẾT

Nafoods Group cam kết hỗ trợ và tham gia sâu vào quá trình xây dựng cộng đồng, hỗ trợ phát triển sinh kế cho bà con nông dân, đặc biệt tại các khu vực có hệ thống nhà máy chế biến sản xuất của Công ty. Đây là kim chỉ nam để Tập đoàn vừa định hướng phát triển kinh tế, vừa giúp phát triển sinh kế nông nghiệp, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng dân cư xung quanh và khu vực lân cận.

HÀNH ĐỘNG

Trong năm Ban lãnh đạo Công ty đã tổ chức, phát động nhiều chương trình, hoạt động hỗ trợ cộng đồng hết sức thiết thực và nhận được sự hưởng ứng tích cực của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, cụ thể:

- Hoạt động tặng quà và hỗ trợ tài chính cho các hộ dân khu vực lân cận nhà máy tại Long An, Nghệ An.
- Hoạt động hỗ trợ làm đường, đào tạo kỹ thuật chăm sóc cây giống tại Tây Nguyên.
- Hoạt động nâng cấp hệ thống nước sạch, đào tạo chăm sóc cây giống và kỹ thuật cây trồng tại Quỳnh Lưu.
- Hỗ trợ bệnh nhân Covid 19 tại Tri Lễ: chuẩn bị 100 phần cơm trưa và tiền mặt, góp quỹ thực hiện chiến dịch vaccine cùng UBND huyện
- Đồng hành tiêu thụ vải thiều cùng người dân Bắc Giang.
- Chương trình tư vấn kỹ thuật trồng Chanh leo tại Sekong, Lào nhằm tạo sinh kế nông nghiệp cho bà con nông dân.



Đồng hành tiêu thụ vải thiều cùng người dân Bắc Giang



Hỗ trợ suất ăn Phòng chống covid 19 tại Quế Phong



Nafoods trao tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trường tiểu học Quỳnh Châu A



PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

CAM KẾT

Trong mọi hoạt động của mình, Nafoods Group đều hướng đến việc gắn kết sự phát triển công ty với sự phát triển chung của nền kinh tế địa phương và đất nước.

Hoạt động tuân thủ pháp luật

- Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật tại những nơi Nafoods Group hoạt động
- Đảm bảo các số liệu báo cáo, thống kê cung cấp cho các cơ quan chức năng là chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời;
- Tích cực tham gia vào các chương trình phát động của chính phủ nhằm ổn định và phát triển kinh tế;
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật các nước.

Phát triển kinh tế địa phương

Tại các địa phương mà Nafoods Group có hoạt động sản xuất và kinh doanh, Nafoods Group luôn hướng đến việc gắn kết giữa mở rộng quy mô hoạt động với sự phát triển kinh tế của địa phương:

Đầu tư cơ sở vật chất, góp phần xây dựng các cơ sở hạ tầng tại địa phương.

Tạo việc làm, đào tạo nghề cho lực lượng lao động của địa phương

Hợp tác, hỗ trợ bà con nông dân

Hỗ trợ nông dân, đặc biệt là người bản địa bằng cách cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

Có chính sách về thu mua nông sản đảm bảo quyền lợi của người nông dân với những cam kết về số lượng thu mua ổn định và mức giá thu mua cạnh tranh.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao

Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt vào các trang trại của Nafoods Group, góp phần phát triển nền nông nghiệp trồng trọt chất lượng cao của Việt Nam.

Chính sách thu hồi đất

Nafoods cam kết đảm bảo tất cả các hoạt động thu hồi đất do Nafoods tiến hành đều được thực hiện một cách phù hợp với pháp luật Việt Nam và cả các **Tiêu chuẩn khắt khe của IFC** nhằm tránh và giảm thiểu bất kỳ tác động xấu nào có thể xảy ra đối với môi trường, cộng đồng và sinh kế người dân.

HÀNH ĐỘNG

Tạo công ăn việc làm

Hệ thống Nafoods Group có hàng trăm CBCNV là con em dân tộc thiểu số và vùng sâu vùng xa. Chuỗi giá trị nông nghiệp của Nafoods Group đã tạo công ăn việc làm cho hàng vạn bà con nông dân từ các vùng miền Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc...

Hợp tác đào tạo sinh viên

Là nơi đào tạo thực hành cho nhiều thế hệ sinh viên: Các công ty thuộc hệ thống Nafoods Group từ lâu đã trở thành cái nôi đào tạo thực tế cho sinh viên các trường Đại học với đa dạng các chuyên ngành như Kỹ sư Nông học, Thực vật học, Cơ khí, Điện, Tự động hóa, Công nghệ Thực phẩm, Ngoại thương, Tài chính – Kế toán, Quản trị Nhân sự... thông qua chương trình thực tập. Đặc biệt, Nafoods Group đã ký kết hợp tác ng-hiên cứu và đào tạo với Trường Đại học Nông lâm Huế, trong đó có nội dung hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, tiếp nhận sinh viên của trường về thực tập tại các đơn vị trực thuộc Nafoods Group.

Hợp tác, hỗ trợ bà con nông dân

Nafoods Group ưu tiên kết nối với hệ thống hợp tác xã, mạng lưới bà con nông dân tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, làm chủ vùng nguyên liệu cho sản xuất và xuất khẩu.

Đặc biệt năm 2021, Nafoods Group đã phối hợp thành công với Tổ chức Lao động quốc tế thực hiện gói tư vấn kỹ thuật trồng chanh leo tạo sinh kế nông nghiệp cho bà con nông dân tại huyện Sekong, Lào.

Công ty đã tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ kỹ thuật sản xuất, kiến thức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn ghi chép nhật ký đồng ruộng. Các hộ sản xuất sẽ được kết nối và hướng dẫn, tư vấn cấp chứng chỉ an toàn và hữu cơ đối với các sản phẩm được tạo ra từ vùng nguyên liệu trong chuỗi giá trị sản phẩm mà công ty thực hiện. Quan trọng nhất, để bảo đảm đầu ra ổn định cho các hộ sản xuất, với những sản phẩm đạt chuẩn an toàn, Công ty đã thu mua sản phẩm theo sản lượng cam kết với người dân.

Các diện tích đất trên vùng nguyên liệu cũng được Công ty tổ chức lấy mẫu, phân tích miễn phí thành phần hóa học đất. Trên cơ sở phân tích đất, Công ty sẽ tư vấn công thức, cách thức bón phân hoặc hướng dẫn nông dân đầu tư các loại phân bón phù hợp để bổ sung các chất dinh dưỡng đất đang thiếu hụt.

Mặt khác, Nafoods Group tiến hành lựa chọn những nông dân, xóm trưởng tiêu biểu để tổ chức đào tạo dài hạn theo hướng chuyên sâu, giúp họ trở thành “Khuyến nông viên cơ sở” tại từng địa bàn, hỗ trợ công ty trong quá trình chuyển giao các kiến thức khoa học và kỹ thuật mới.

*Đào tạo chăm sóc chanh leo tại Tây Nguyên*

Phối hợp với chính quyền địa phương

Trong quá trình phát triển, Nafoods Group luôn xác định phát triển vùng nguyên liệu, nhà máy sản xuất theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước và đại diện trực tiếp quản lý đó là Chính quyền địa phương sở tại.

Theo đó, Nafoods Group thường làm việc và ký kết các thoả thuận hợp tác với chính quyền địa phương về việc quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu theo mô hình chuỗi giá trị, từ cung cấp giống chất lượng, hỗ trợ kỹ thuật; bao tiêu sản phẩm đầu ra trong vùng nguyên liệu với giá ổn định, hợp lý và theo cơ chế thị trường. Đồng thời tiến hành khảo sát xây dựng các dự án đầu tư bảo quản, sơ chế, chế biến rau quả xuất khẩu; liên kết, đầu tư vào các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao

Để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, Công ty chủ trương hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các trường đại học, các trung tâm công nghệ sinh học; nhằm mục đích phát triển quy mô, bổ sung nhân lực, nâng cao chất lượng nghiên cứu công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng các sản phẩm.

*Nafoods Group thường làm việc và ký kết các thoả thuận hợp tác với chính quyền địa phương về việc quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu theo mô hình chuỗi giá trị**Ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác NFG - Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh về việc hợp tác nghiên cứu công nghệ cao và chuyển giao công nghệ*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06

- | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- | Báo cáo kiểm toán độc lập
- | Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- | Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2021
Ông Dung T. Trung	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch Thường trực	-
Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	-
Ông Johan De Geer	Thành viên	-
Ông Ryan Walter Galloway	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	-
Bà Điền Thị Lan Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2021
Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	
Bà Diệp Thị Mỹ Hào	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2021
Ông Ryan Walter Galloway	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2021
Ông Phạm Duy Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2021
Ủy ban Kiểm toán		
Bà Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2021
Ông Johan Nyvene	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2021
Bà Phan Thị Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2020
Ban Kiểm soát	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Ông Hồ Quốc Công	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Tập đoàn hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Diệp Thị Mỹ Hào
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022



Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số: 20-11-290-04

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nafoods Group

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài riêng chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Lê Thế Việt

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0821-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Lê Quảng Hòa

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2587-2018-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022



Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	1.029.319.761.677	972.419.585.045
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	51.698.311.511	26.853.240.725
Tiền		111	6.267.076.248	10.853.240.725
Các khoản tương đương tiền		112	45.431.235.263	16.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	200.000.000	200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	200.000.000	200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	792.511.000.193	749.203.307.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	486.929.400.742	516.618.637.375
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	108.701.431.641	37.998.370.748
Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	135	52.738.495.176	85.392.070.738
Phải thu ngắn hạn khác	10	136	160.412.237.854	122.598.978.114
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	137	(16.318.550.291)	(13.452.734.469)
Tài sản thiếu chờ xử lý		139	47.985.071	47.985.071
Hàng tồn kho		140	132.924.064.303	175.660.407.822
Hàng tồn kho	12	141	144.204.786.885	177.582.900.058
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12	149	(11.280.722.582)	(1.922.492.236)
Tài sản ngắn hạn khác		150	51.986.385.670	20.502.628.921
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	8.132.393.103	1.787.118.433
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	43.781.543.297	18.715.510.488
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	72.449.270	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Tài sản dài hạn		200	624.736.726.892	560.959.111.925
Các khoản phải thu dài hạn		210	1.165.000.000	1.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	9	215	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu dài hạn khác		216	165.000.000	-
Tài sản cố định		220	363.979.434.837	350.706.397.484
Tài sản cố định hữu hình	14	221	296.106.713.217	285.087.788.703
- Nguyên giá		222	382.707.862.617	346.743.008.262
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(86.601.149.400)	(61.655.219.559)
Tài sản cố định vô hình	15	227	67.872.721.620	65.618.608.781
- Nguyên giá		228	73.610.267.962	69.758.553.417
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(5.737.546.342)	(4.139.944.636)
Tài sản dở dang dài hạn		240	12.669.203.842	31.098.578.266
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	242	12.669.203.842	31.098.578.266
Đầu tư tài chính dài hạn	6	250	219.545.770.184	145.314.160.525
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	19.792.137.184	43.702.758.586
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	3.100.000.000	4.100.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	(3.100.000.000)	(3.410.983.561)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	199.753.633.000	100.922.385.500
Tài sản dài hạn khác		260	27.377.318.029	32.839.975.650
Chi phí trả trước dài hạn	13	261	26.950.485.392	32.199.726.695
Lợi thế thương mại		269	426.832.637	640.248.955
Tổng tài sản		270	1.654.056.488.569	1.533.378.696.970



Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

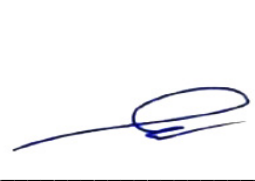
	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	817.658.652.169	782.473.027.063
Nợ ngắn hạn		310	700.840.862.341	594.805.464.716
Phải trả người bán ngắn hạn	17	311	185.730.811.031	203.088.755.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	312	19.180.587.140	12.872.057.079
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	313	13.626.576.420	10.119.091.668
Phải trả người lao động		314	7.470.765.243	5.141.137.146
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	8.094.714.638	6.199.858.075
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	13.768.740.878	7.812.085.605
Vay ngắn hạn	21	320	449.748.066.222	339.016.187.166
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	322	3.220.600.769	10.556.292.178
Nợ dài hạn		330	116.817.789.828	187.667.562.347
Vay dài hạn	21	338	114.875.173.659	185.866.982.505
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	1.942.616.169	1.800.579.842
Vốn chủ sở hữu		400	836.397.836.400	750.905.669.907
Vốn chủ sở hữu		410	835.665.091.815	750.213.238.078
Vốn góp của chủ sở hữu	23,24	411	629.230.850.000	599.267.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	505.641.520.000	475.678.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b	123.589.330.000	123.589.330.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	67.230.677.157	67.230.677.157
Cổ phiếu quỹ	23	415	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	23	418	38.781.277.104	22.476.456.578
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23	421	100.422.907.554	61.238.874.343
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a	22.930.608.722	(13.607.224)
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	77.492.298.832	61.252.481.567
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	732.744.585	692.431.829
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	439	732.744.585	692.431.829
Tổng nguồn vốn		440	1.654.056.488.569	1.533.378.696.970

Nghe An, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022


Diệp Thị Mỹ Hào
Tổng Giám đốc


Đặng Thị Loan
Kế toán trưởng


Phan Văn Đồng
Người lập

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	01	1.629.278.864.172	1.216.055.264.655
Các khoản giảm trừ doanh thu	27	02	(14.625.542.147)	(13.386.861.003)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	1.614.653.322.025	1.202.668.403.652
Giá vốn hàng bán	28	11	1.323.189.588.285	947.784.824.129
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	291.463.733.740	254.883.579.523
Doanh thu hoạt động tài chính	29	21	24.258.058.281	8.622.838.199
Chi phí tài chính	30	22	42.199.156.825	53.638.992.207
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	32.071.214.049	41.526.044.029
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết		24	75.028.115	189.741.369
Chi phí bán hàng	31	25	147.842.631.395	95.978.931.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	26	34.755.271.843	47.570.638.784
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	90.999.760.073	66.507.597.003
Thu nhập khác		31	4.333.717.856	1.051.938.385
Chi phí khác		32	4.910.273.995	2.469.120.278
Lãi/(lỗ) khác		40	(576.556.139)	(1.417.181.893)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	90.423.203.934	65.090.415.110
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	51	12.622.108.860	8.969.710.797
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52	195.898.600	5.194.209.083
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	77.605.196.474	61.314.913.396

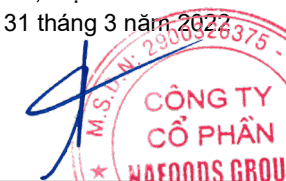
Phân bổ cho:

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	77.492.298.832	61.189.893.649
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	112.897.642	125.019.747

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	70	1.283	1.341
---------------------------------	----	----	--------------	-------

Nghe An, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022


Diệp Thị Mỹ Hào
Tổng Giám đốc


Đặng Thị Loan
Kế toán trưởng


Phan Văn Đồng
Người lập



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		90.423.203.934	65.090.415.110
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		26.844.308.977	22.940.541.476
Thay đổi các khoản dự phòng	03		11.913.062.607	7.351.881.634
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.349.053.931	6.515.075.105
Lãi từ hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản cố định	05		(5.283.060.829)	(4.689.927.000)
Chi phí lãi vay	06		32.071.214.049	41.526.044.029
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		159.317.782.669	138.734.030.354
Thay đổi các khoản phải thu	09		(31.334.820.018)	(139.179.238.260)
Thay đổi hàng tồn kho	10		33.378.113.173	(30.201.494.232)
Thay đổi các khoản phải trả	11		1.121.725.215	126.793.023.987
Thay đổi chi phí trả trước	12		(1.096.033.367)	(8.474.272.728)
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.480.394.615)	(42.490.107.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.488.900.116)	(342.811.522)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(15.526.420.620)	(5.736.748.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		107.891.052.321	39.102.381.387

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(tiếp theo)

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(103.948.136.951)	(26.243.088.344)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		906.500.000	290.909.091
Tiền chi cho đơn vị khác vay	23		(146.575.346.878)	(73.727.335.237)
Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24		80.397.674.940	9.565.162.622
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.291.300.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay nhận được	27		4.725.040.226	4.725.040.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(140.202.968.663)	(85.389.311.642)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông	31		29.963.000.000	11.866.305.850
Tiền thu từ đi vay	33		1.229.014.226.467	1.234.230.309.524
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.188.404.515.127)	(1.173.439.571.546)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.415.040.000)	(13.415.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57.157.671.340	59.242.003.828
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		24.845.754.997	12.955.073.573
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	26.853.240.725	13.898.544.471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(684.211)	(377.319)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	51.698.311.511	26.853.240.725

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Diệp Thị Mỹ Hào
Tổng Giám đốc

Đặng Thị Loan
Kế toán trưởng

Phan Văn Đồng
Người lập



Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam, ban đầu với tên gọi là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 vào ngày 26 tháng 8 năm 1995. Sau đó ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi là Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được thay đổi nhiều lần sau đó (sau đây gọi chung là “Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp”).

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326375, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 6 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 567.988.450.000 đồng, được chia thành 56.798.845 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 567.988.450.000 đồng lên 577.047.950.000 đồng do đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2020 thông qua phương án triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.221.990 cổ phiếu với tổng trị giá phát hành theo mệnh giá là 22.219.900.000 đồng theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty. Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 6 năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 599.267.850.000 đồng lên 629.230.850.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh, trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với thông tin như sau:

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Nafoods Group;
- Mã chứng khoán: NAF;
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu đăng ký
Công ty con			
Công ty CP Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng trọt, sản xuất giống cây trồng	99,8%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	100%
Công ty CP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	99,8%
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	Thôn Gò Đồi, đường Bùi Viện, Xã An Phú, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt	99,86%
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16, Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm giá trị gia tăng	99%
Công ty liên kết			
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Cụm Công nghiệp Mộc Châu, tiểu khu Bó Bun, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng và các loại sản phẩm nước ép hoa quả	35%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty và các công ty con có 636 nhân viên (31 tháng 12 năm 2020: 514 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VND”).

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

3.1 Cơ sở chung lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp. Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.



3.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1).

3.3 Các công ty con

Công ty con là các công ty mà Tập đoàn có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Tập đoàn từ hoạt động của các công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của các công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỉ lệ tương ứng với lợi ích mà Tập đoàn không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như bất kỳ các khoản lỗ thêm nào khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có một nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn lại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Tập đoàn. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con.

Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

3.4 Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, thường đi kèm với tỷ lệ sở hữu từ 20% đến 50% của quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Tập đoàn vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên kết nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư.

Việc thay đổi quyền sở hữu trong công ty liên kết dẫn đến việc mất đi quyền ảnh hưởng đáng kể được coi là một giao dịch thanh lý đầu tư vào công ty liên kết. Phần sở hữu còn lại của khoản đầu tư này được hạch toán theo giá gốc tại ngày mất đi quyền ảnh hưởng.

3.5 Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng mà ngân hàng buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Một liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng mà hai hoặc nhiều bên cùng thực hiện hoạt động kinh tế mà được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó hạch toán toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.



4.5 Các khoản phải thu

Phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay cho mục đích thu lãi tiền vay được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi, bao gồm gốc cho vay trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Tài sản cố định khác	23

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 6 năm.

4.9 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Tập đoàn nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

Phí tư vấn và phí luật sư

Chi phí tư vấn và phí luật sư phát sinh liên quan đến thỏa thuận vay vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng vay từ 6 năm đến 7 năm.

Chi phí khai hoang, đền bù đất

Chi phí khai hoang, đền bù đất phát sinh liên quan đến việc cải tạo, khai hoang vùng đất nguyên liệu tại Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An và các chi phí liên quan đến việc mua đất nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ thể hiện khoản tư vấn chuyển giao công nghệ nhân giống chanh leo, đào tạo chuyển giao kỹ thuật phát hiện kiểm soát virus trên cây chanh leo, cung cấp cây giống bố mẹ, tư vấn thiết lập vườn ươm giống chanh leo được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

4.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Tài sản là lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 5 năm.

Lợi thế thương mại âm (phát sinh khi phần sở hữu của Tập đoàn trên giá trị hợp lý của tài sản thuần vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh) được ghi nhận trực tiếp như một khoản lãi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày mua.

Lãi, lỗ thanh lý công ty con bao gồm cả phần xóa sổ lợi thế thương mại còn lại tại ngày bán.



4.13 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.16 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5%. Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7 tháng 7 năm 2021, Công ty phải đóng phí bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ 17% (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022) dựa trên mức lương và phụ cấp lương hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Theo Nghị quyết 116/2021/NQ-CP ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2021, từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có nghĩa vụ trích 0% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

4.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

4.19 Cổ tức

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

4.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.22 Lãi/lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.23 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các công ty liên kết của Tập đoàn.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.



4.24 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán (“các sự kiện điều chỉnh”) được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Tiền		
Tiền mặt	184.263.898	7.045.477.956
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.082.812.350	3.807.762.769
	6.267.076.248	10.853.240.725
Các khoản tương đương tiền		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh (i)	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (ii)	29.431.235.263	-
	45.431.235.263	16.000.000.000
	51.698.311.511	26.853.240.725

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh với lãi suất 5,5%/năm, đáo hạn vào tháng 1 năm 2022. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Vinh (Thuyết minh 21).

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank với lãi suất 3,2%/năm, tự động gia hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank (Thuyết minh 21).

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2021 Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng (i)	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Dài hạn				
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư LMC Holdings (ii)	96.753.633.000	96.753.633.000	96.922.385.500	96.922.385.500
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Anacardium Foods (iii)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Trái phiếu kỳ hạn 7 năm	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Bến Tre (iv)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
	199.753.633.000	199.753.633.000	100.922.385.500	100.922.385.500
	199.953.633.000	199.953.633.000	101.122.385.500	101.122.385.500

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 4,6%/năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2022. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Thuyết minh 21).

(ii) Căn cứ Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2020/HĐHTKD/NFG-LMC ký kết ngày 01 tháng 06 năm 2020, Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) thỏa thuận góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings (Bên B) để thực hiện các dự án chung. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 1 tháng 6 năm 2025.

Theo Phụ lục 01 của Hợp đồng trên ký ngày 12 tháng 4 năm 2021, lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia hàng năm theo tỷ lệ 50%-50% nhưng không thấp hơn mức 6,6%/năm dựa trên dòng tiền hợp tác đầu tư mà Bên A đã chuyển cho Bên B. Theo đó, Tập đoàn đang ghi nhận lãi được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư là 6.095.573.392 VNĐ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Thuyết minh 29).

Theo Phụ lục 02 của Hợp đồng trên ký ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa hai bên, lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư cho giai đoạn 6 tháng cuối năm 2021 (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán, dự kiến vào năm 2022. Khoản Hợp tác đầu tư được đảm bảo bởi giá trị vốn góp của LMC tại Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương và bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tập đoàn.

(iii) Căn cứ các Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2021/HĐHTKD/NFG-ANACARDIUM FOODS ký kết ngày 31 tháng 05 năm 2021 và số 02/2021/HĐHTKD/NFG-ANACARDIUM FOODS ký kết ngày 17 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) thỏa thuận góp vốn cho Công ty Cổ phần Anacardium Foods (Bên B) (trước đây là Công ty CP Nông nghiệp La Giang) để thực hiện các dự án chung. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn lần lượt vào ngày 31 tháng 5 năm 2026 và ngày 17 tháng 6 năm 2026. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia hàng năm theo tỷ lệ 50%-50%.

(iv) Căn cứ các Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 03/2021/HĐHTKD/NFG-BECONA ký kết ngày 15 tháng 9 năm 2021 và 04/2021/HĐHTKD/NFG-BECONA ký kết ngày 17 tháng 9 năm 2021, Công ty Cổ phần Nafoods Group (bên A) thỏa thuận góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Bến Tre (Becona) (bên B) để thực hiện dự án đầu tư, vận hành Dự án kinh doanh sản xuất sản phẩm dừa. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2026. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư (sau khi Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế với nhà nước) sẽ được hai bên cùng phân chia hàng năm theo tỷ lệ 50%-50% bằng tiền hoặc tài sản với định giá thống nhất của hai bên.

Các khoản Hợp tác đầu tư (iii) và (iv) được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tập đoàn.



Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ nắm giữ và tỷ lệ biểu quyết như sau:

	31 tháng 12 năm 2021			31 tháng 12 năm 2020	
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	%	%	%	%
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>					
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	50.000.000.000	35	35	35	35
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech (i)	40.000.000.000	0	0	30	30
Công ty CP Anacardium Foods (i)	40.000.000.000	0	0	30	30
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>					
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Tây Ninh (i)	20.000.000.000	0	0	5	5
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	62.000.000.000	5	5	5	5

(i) Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Nafoods Group đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech, Công ty CP Anacardium Foods (trước đây là Công ty CP Nông nghiệp La Giang) và Công ty CP Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Tây Ninh. Lỗ từ nghiệp vụ thoái vốn được trình bày ở Thuyết minh số 30.

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư thực góp như sau:

	31 tháng 12 năm 2021			31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Lãi/(lỗ) phát sinh	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Lãi/(lỗ) phát sinh
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>						
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	17.500.000.000	19.792.137.184	2.292.137.184	17.500.000.000	19.717.109.069	2.217.109.069
Công ty CP Dịch Vụ Công nghệ Natech	-	-	-	12.000.000.000	11.992.549.094	(7.450.906)
Công ty CP Anacardium Foods	-	-	-	12.000.000.000	11.993.100.423	(6.899.577)
	17.500.000.000	19.792.137.184	2.292.137.184	41.500.000.000	43.702.758.586	2.202.758.586

	31 tháng 12 năm 2021			31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>						
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Tây Ninh	-	-	-	1.000.000.000	(310.983.561)	689.016.439
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-
	3.100.000.000	(3.100.000.000)	-	4.100.000.000	(3.410.983.561)	689.016.439

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021 VND	31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu bên thứ ba		
Công ty Profi Line Plus Llc	188.109.530.378	82.780.888.944
Công ty Hiwa Rotterdam Port Cold Stores	41.818.711.680	97.532.919.647
Công ty Flagfood Ag	40.718.872.020	37.281.584.295
Các khách hàng khác	201.279.014.572	293.411.976.130
	471.926.128.650	511.007.369.016
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	8.252.720.904	916.060.900
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	3.395.823.581	4.558.251.084
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	3.354.727.607	136.956.375
	15.003.272.092	5.611.268.359
	486.929.400.742	516.618.637.375

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021 VND	31 tháng 12 năm 2020 VND
Trả trước cho bên thứ ba		
Công ty TNHH MTV Nông sản Anh Đức	8.129.887.372	11.335.043.619
Công ty CP Thực phẩm Bảo Long	3.497.865.501	-
Công ty ABL SPA	2.032.066.008	2.032.066.008
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech (i)	28.330.000.000	-
Công ty ECOM Agrottrade Limited	7.162.272.879	-
Các đối tượng khác	7.393.309.941	23.078.712.695
	56.545.401.701	36.445.822.322
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An (ii)	47.546.919.814	623.756.414
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	928.792.012	928.792.012
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	3.680.318.114	-
	52.156.029.940	1.552.548.426
	108.701.431.641	37.998.370.748

(i) Khoản trả trước cho công ty CP Dịch Vụ Công nghệ Natech theo Hợp đồng số 01/HDDV/NT-NFG ngày 1 tháng 11 năm 2020 để được cung cấp dịch vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin cho Công ty CP Nafoods Group và các Công ty trong Tập đoàn.

(ii) Khoản trả trước Công ty CP Thực phẩm Nghệ An theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư số 01/HĐCN/QT-TPNA giữa Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods.



9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba		
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings (i)	26.361.559.394	70.842.234.334
Các đối tượng khác (ii)	8.000.000.000	14.463.000.000
	34.361.559.394	85.305.234.334
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 35) (iii)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	18.290.099.378	-
Công ty CP Anacardium Foods	86.836.404	86.836.404
	52.738.495.176	85.392.070.738
Dài hạn		
Hoàng Văn Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
	53.738.495.176	86.392.070.738

- (i) Khoản phải thu từ việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings vay có lãi suất 7,5% năm, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán trong năm 2022.
- (ii) Khoản phải thu từ việc cho các cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng, lãi suất quy định theo hợp đồng cho vay. Khoản cho vay này nhằm mục đích tìm kiếm và quy hoạch các vùng nguyên liệu chủ lực cho Tập đoàn là chanh leo và thanh long.
- (iii) Các khoản phải thu từ việc cho các bên liên quan vay, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng, lãi suất quy định theo hợp đồng cho vay.

10. Phải thu khác ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Phải thu bên thứ ba		
Phải thu từ lãi trả chậm	9.496.215.655	4.920.692.183
Phải thu lãi tiền gửi	1.531.305.869	362.578.082
Phải thu từ hợp tác kinh doanh	-	9.099.580.480
Hợp tác đầu tư mảng hạt điều (i)	8.626.762.049	-
Tạm ứng nhân viên (ii)	112.721.263.910	89.026.479.575
Tạm ứng cổ tức cho Tổ chức IFC (iii)	13.415.040.000	13.415.040.000
Khác	14.233.792.925	4.762.643.335
	160.024.380.408	121.587.013.655
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	341.814.497	980.524.693
Công ty CP Anacardium Foods	46.042.949	31.439.766
	387.857.446	1.011.964.459
	160.412.237.854	122.598.978.114

- (i) Thể hiện khoản tiền hợp tác đầu tư với Bà Đặng Thị Trung Hoa theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/NFMN-DTTH ngày 1 tháng 11 năm 2021 thời hạn 1 năm phục vụ cho hoạt động thu mua sản xuất và kinh doanh thương mại mảng hạt điều.

- (ii) Các khoản tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho các dự án cụ thể như sau:

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
Tạm ứng thực hiện dự án quy hoạch vùng nguyên liệu chanh leo tại Lào	33.939.016.022	27.477.184.500
Tạm ứng thực hiện dự án quy hoạch vùng nguyên liệu thanh long tại Bình Thuận	12.781.876.675	19.281.876.675
Tạm ứng chi phí thực hiện dự án Nafoods tại Tây Nguyên	8.633.038.330	22.316.313.849
Tạm ứng làm thủ tục đất 50 năm tại vườn ươm mới D1 tại Quế Phong	9.978.350.629	6.461.284.129
Tạm ứng thủ tục thực hiện dự án tại Mộc Châu Sơn La	40.086.747.542	-
Tạm ứng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh khác: Thu mua, vận chuyển, v.v..	7.302.234.712	13.489.820.422
	112.721.263.910	89.026.479.575

- (iii) Khoản ứng trước cổ tức cho Tổ chức International Finance Corporation, cổ đông, số tiền là 13.415.040.000 VNĐ, theo thỏa thuận ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa 2 bên.

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2021		31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Tân Tân	4.176.437.050	(4.176.437.050)	4.176.437.050	(4.176.437.050)
Công ty Cổ phần Bánh kẹo ANCO	300.000.000	(300.000.000)	300.000.000	(300.000.000)
Công ty TNHH Màu xanh Đổi mới	1.260.000.000	(1.260.000.000)	1.260.000.000	(1.260.000.000)
Khách lẻ mua cây giống	9.768.659.493	(9.768.659.493)	8.336.342.543	(6.902.843.671)
	15.505.096.543	(15.505.096.543)	14.072.779.593	(12.639.280.721)
Các khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn				
Công ty Cổ phần Tân Tân	347.873.081	(347.873.081)	347.873.081	(347.873.081)
Công ty TNHH Màu xanh Đổi mới	400.539.000	(400.539.000)	400.539.000	(400.539.000)
Công ty Cổ phần Bánh kẹo ANCO	65.041.667	(65.041.667)	65.041.667	(65.041.667)
	813.453.748	(813.453.748)	813.453.748	(813.453.748)
	16.318.550.291	(16.318.550.291)	14.886.233.341	(13.452.734.469)

12. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2021		31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	9.120.117.771	-	1.362.185.140	-
Nguyên vật liệu	18.538.398.280	-	30.302.623.854	-
Công cụ, dụng cụ	7.614.006.126	-	3.846.428.756	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.804.293.934	(2.800.208.391)	50.593.838.699	-
Thành phẩm	74.456.159.798	(8.480.514.191)	76.621.037.882	(1.922.492.236)
Hàng hóa	5.720.310.976	-	5.236.031.116	-
Hàng gửi bán	7.951.500.000	-	9.620.754.611	-
	144.204.786.885	(11.280.722.582)	177.582.900.058	(1.922.492.236)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho với giá trị tương ứng là 18.526.846.108 VNĐ (31 tháng 12 năm 2020: 1.922.492.236 VNĐ) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho giảm giá trị.



13. Chi phí trả trước dài hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Phí tư vấn và phí luật sư	4.290.846.916	4.860.805.484
Chi phí khai hoang, đền bù đất	13.964.246.279	14.438.063.555
Chi phí chuyển giao công nghệ	4.682.501.473	4.803.513.409
Chi phí trả trước khác	4.012.890.724	8.097.344.247
	26.950.485.392	32.199.726.695

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2021	138.277.586.873	201.261.596.887	6.211.982.145	991.842.357	346.743.008.262
Mua trong năm	551.129.600	11.920.485.091	921.990.000	659.995.455	14.053.600.146
Chuyển từ XDCB	21.875.754.209	1.330.500.000	-	-	23.206.254.209
Thanh lý	-	(1.295.000.000)	-	-	(1.295.000.000)
31 tháng 12 năm 2021	160.704.470.682	213.217.581.978	7.133.972.145	1.651.837.812	382.707.862.617

Giá trị hao mòn lũy kế

1 tháng 1 năm 2021	(25.357.968.433)	(33.995.063.118)	(1.882.289.081)	(419.898.927)	(61.655.219.559)
Khấu hao trong năm	(8.163.301.632)	(15.983.500.631)	(701.017.419)	(185.471.271)	(25.033.290.953)
Thanh lý	-	87.361.112	-	-	87.361.112
31 tháng 12 năm 2021	(33.521.270.065)	(49.891.202.637)	(2.583.306.500)	(605.370.198)	(86.601.149.400)

Giá trị còn lại

1 tháng 1 năm 2021	112.919.618.440	167.266.533.769	4.329.693.064	571.943.430	285.087.788.703
31 tháng 12 năm 2021	127.183.200.617	163.326.379.341	4.550.665.645	1.046.467.614	296.106.713.217

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có một số tài sản với nguyên giá là 961.088.381 VND (31 tháng 12 năm 2020: 907.088.381 VND) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 256.625.128.516 VND (31 tháng 12 năm 2020: 268.487.334.348 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2021	115.000.000	69.074.053.417	569.500.000	69.758.553.417
Tăng trong năm	3.851.714.545	-	-	3.851.714.545
31 tháng 12 năm 2021	3.966.714.545	69.074.053.417	569.500.000	73.610.267.962

Giá trị hao mòn lũy kế

1 tháng 1 năm 2021	(115.000.000)	(3.683.244.624)	(341.700.012)	(4.139.944.636)
Khấu hao trong năm	(102.205.746)	(1.381.495.956)	(113.900.004)	(1.597.601.706)
31 tháng 12 năm 2021	(217.205.746)	(5.064.740.580)	(455.600.016)	(5.737.546.342)

Giá trị còn lại

1 tháng 1 năm 2021	-	65.390.808.793	227.799.988	65.618.608.781
31 tháng 12 năm 2021	3.749.508.799	64.009.312.837	113.899.984	67.872.721.620

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có một số tài sản với nguyên giá là 115.000.000 VND (31 tháng 12 năm 2020: 115.000.000 VND) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 64.700.060.815 VND (31 tháng 12 năm 2020: 65.390.808.793 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
1 tháng 1 năm 2021	31.160.396.450	17.978.633.293
Mua trong năm	4.950.188.640	15.946.476.078
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(91.318.287)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.206.254.209)	(185.397.832)
Giảm khác	(143.808.752)	(2.641.133.273)
31 tháng 12 năm 2021	12.669.203.842	31.098.578.266

Trong đó:

Dự án Nhà máy Nafoods Tây Nguyên: Giai đoạn 1	4.745.529.498	24.764.176.202
Dự án triển khai ERP	7.393.967.980	5.804.695.700
Dự án khác	529.706.364	529.706.364
	12.669.203.842	31.098.578.266



17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cho bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Kingfoods	73.570.259.496	40.509.403.462
Đối tượng khác	107.478.751.535	144.734.312.147
	181.049.011.031	185.243.715.609
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	-	9.661.406.310
Công ty TNHH Nghiên cứu & Phát triển Công nghệ Sinh học và Hội tụ	4.681.800.000	1.014.412.785
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	7.169.221.095
	4.681.800.000	17.845.040.190
	185.730.811.031	203.088.755.799

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Trả trước từ bên thứ ba		
Công ty CP Thực phẩm Sữa TH (i)	10.147.110.000	5.000.000.000
Công ty Cổ Phần Kingfoods	1.733.733.215	-
Công ty Dennick Fruitsource LLC	1.111.428.864	6.941.509.165
Khác	6.188.315.061	930.547.914
	19.180.587.140	12.872.057.079

(i) Số dư thể hiện khoản trả trước của Công ty CP Thực phẩm Sữa TH (Bên B) cho Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) theo các Hợp đồng chuyển nhượng Dự án đầu tư “Phát triển 140 ha gác lại đen thương phẩm” tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký ngày 8 tháng 10 năm 2019 và ngày 19 tháng 11 năm 2021. Dự án đang trong quá trình hoàn thiện các giấy tờ chuyển giao quyền sở hữu.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	8.642.265	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.689.033.117	8.528.226.432
Thuế thu nhập cá nhân	393.746.218	429.326.920
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	103.055.904	-
Các loại thuế khác	1.432.098.916	1.161.538.316
	13.626.576.420	10.119.091.668

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Nguyễn Ngọc Kim Xuyên	-	2.900.000.000
Công ty Cổ Phần Kingfoods	6.754.813.780	-
Khác	7.013.927.098	4.912.085.605
	13.768.740.878	7.812.085.605

21. Vay

Vay ngắn hạn	31 tháng 12 năm 2021		Trong kỳ		31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VNĐ	trả nợ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (i)	193.324.342.915	193.324.342.915	596.043.524.159	531.913.344.541	129.194.163.297	129.194.163.297
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (ii)	90.625.970.094	90.625.970.094	323.338.319.605	351.561.640.378	118.849.290.867	118.849.290.867
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh (iii)	4.464.655.560	4.464.655.560	41.209.127.170	40.683.371.610	3.938.900.000	3.938.900.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (iv)	78.115.223.385	78.115.223.385	160.621.096.218	82.505.872.833	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An	21.684.070.490	21.684.070.490	21.684.070.490	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Vgrowth (Validus) (v)	-	-	108.860.000.000	153.040.000.000	44.180.000.000	44.180.000.000
Các đối tượng khác	-	-	9.183.000.000	9.261.221.002	78.221.002	78.221.002
	388.214.262.444	388.214.262.444	1.260.939.137.642	1.168.965.450.364	296.240.575.166	296.240.575.166
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (vii)	2.660.000.000	2.660.000.000	2.660.000.000	2.660.000.000	2.660.000.000	2.660.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (ix)	38.500.470.190	38.500.470.190	39.716.475.680	41.331.617.490	40.115.612.000	40.115.612.000
'FINNISH FUND FOR INDUSTRIAL COOPERATION LTD	20.373.333.588	20.373.333.588	20.373.333.588	-	-	-
	61.533.803.778	61.533.803.778	62.749.809.268	43.991.617.490	42.775.612.000	42.775.612.000
	449.748.066.222	449.748.066.222	1.323.688.946.910	1.212.957.067.854	339.016.187.166	339.016.187.166

Vay dài hạn	31 tháng 12 năm 2021		Trong kỳ		31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VNĐ	trả nợ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	trả nợ
Vay ngắn hạn						
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (vi)	91.680.000.000	91.680.000.000	-	1.180.000.000	92.860.000.000	92.860.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (vii)	17.766.000.000	17.766.000.000	-	4.616.000.000	22.382.000.000	22.382.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (viii)	69.622.977.437	69.622.977.437	11.895.559.015	55.673.176.083	113.400.594.505	113.400.594.505
	179.068.977.437	179.068.977.437	11.895.559.015	61.469.176.083	228.642.594.505	228.642.594.505
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (viii)	(43.820.470.190)	(43.820.470.190)	(42.376.475.680)	(41.331.617.490)	(42.775.612.000)	(42.775.612.000)
'FINNISH FUND FOR INDUSTRIAL COOPERATION LTD	(20.373.333.588)	(20.373.333.588)	(20.373.333.588)	-	-	-
	(64.193.803.778)	(64.193.803.778)	(62.749.809.268)	(41.331.617.490)	(42.775.612.000)	(42.775.612.000)
	114.875.173.659	114.875.173.659	(50.854.250.253)	20.137.558.593	185.866.982.505	185.866.982.505



Chi tiết về thông tin của các khoản vay như sau:

Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
(i)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	253/HM21/VCB- NAN	60 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	5 tháng	+ Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Group. + Máy móc, dây chuyền và thiết bị sản xuất của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. + Tài sản gắn liền với đất và Quyền sử dụng đất của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Group. + Căn hộ chung cư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 55TC21/VCB.NAN. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; máy móc thiết bị sản xuất và phần giá trị gia tăng đầu tư thêm trong quá trình kinh doanh thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam.
(i)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	240/HM21-VCB ngày 20 tháng 7 năm 2021	80 tỷ VNĐ	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng	+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 05267 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 31 tháng 12 năm 2019. + Máy móc thiết bị, xe ô tô đã qua sử dụng và máy chuyên dụng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Hàng hóa tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh	01/2021- HĐCVHM/NHCT 442-NAFOODS GROUP	100 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	+ Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất; xe ô tô đã qua sử dụng; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Group. + Tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất, các cổ phiếu của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty CP Nafoods Group.



Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh	01/2021-HĐCVHM/NHCT 442- TÂY NGUYỄN	9 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	3-5 tháng	+ Tài sản thế chấp của các bên liên quan và các quyền tài sản của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên phát sinh từ hợp đồng mua bán, hợp đồng chuyển nhượng, khai thác các sản phẩm thu từ Dự án được xây dựng trên thửa đất số 01 với Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803882 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019. + Thửa đất số 02 với Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803881 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019. + Thửa đất số 03 với Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803883 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019.
(ii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh	01/2021-HĐCVHM/NHCT 442- CHANHLEO NAFOODS	24 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	+ Quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại các thửa đất đứng tên Công ty CP Chanh leo Nafoods. + 100 trái phiếu mã CTG1926T2/02-589 được trình bày tại Thuyết minh số 6.
(iii)	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh	44543/20MN/HĐ TD	20 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	4 tháng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT.
(iv)	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	HCM/2021/002 /NAFOODS/STL/FA	80 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Mua nguyên vật liệu /hàng hóa trong nước và tài trợ vốn lưu động ngắn hạn	5 tháng	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch HĐQT.
(v)	Công ty TNHH Phát triển Vgrowth	MS668		Lãi suất theo từng lần đăng ký vay	Bổ sung vốn lưu động	2-3 tháng	Bảo lãnh cá nhân thực hiện của ông Nguyễn Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT
(vi)	Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd	MUSD 5 LOAN FACILITY	5 triệu USD	6,4% + Lãi suất LIBOR cho mỗi kỳ 6 tháng	Thực hiện phương án sản xuất kinh doanh trái cây sấy	72 tháng	+ Sổ dư tài khoản ngân hàng, các khoản phải thu, máy móc thiết bị, tất cả các quyền lợi ích hoàn trả và tất cả các cổ phần được phát hành và thanh toán thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp. + Bảo lãnh thực hiện bởi Công ty CP Nafoods Miền Nam.
(vii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh	01/2018-HĐCVDADT/NH CT442- CHANHLEO	16 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Tài trợ các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng vườn ươm giống Công nghệ cao tại Huyện	72 tháng	+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT442 ngày 20 tháng 3 năm 2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh và Công ty CP Chanh leo Nafoods.



Khoản vay	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
		NAFOODS 01/2020- HĐCVDAĐT/NH CT442- NAFOOD TAY NGUYEN	31 tỷ VNĐ	8.1%	Quế Phong – tỉnh Nghệ An Tài trợ các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng Viện nghiên cứu giống cây trồng công nghệ cao; Nhà máy tách, phân loại, đóng gói và bảo quản hoa quả xuất khẩu; Khu nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 1 tại xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	72 tháng	+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng và các tài sản hình thành trong tương lai khi xây dựng cơ bản hoàn thành thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên. + Tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất và xe ô tô đã qua sử dụng của một số thành viên trong Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty CP Nafoods Tây Nguyên.
(viii)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	101/DTDA17 /NAN.KHDN	169,893 tỷ VNĐ	+ Lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ cộng (+) 2,5%/năm với khoản vay VNĐ + 4,5%/năm cộng (+) Lãi suất Libor có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay USD + 4,5%/năm cộng (+) Giá trị lớn hơn giữa 0% và lãi suất Libor có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay EUR	Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An	84 tháng	+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại, hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất thuộc sở hữu của Công ty thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Máy móc thiết bị, xe ô tô đã qua sử dụng và máy chuyên dụng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam; + Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam.



22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Số dư, 1 tháng 1 năm 2021	10.547.592.178	12.029.593.337
Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 23)	3.061.943.717	1.034.242.981
Sử dụng Quỹ	(10.388.935.126)	(2.507.544.140)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2021	3.220.600.769	10.556.292.178

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư, 1 tháng 1 năm 2020	567.988.450.000	64.473.871.307	(620.000)	28.274.944.365	20.684.859.633	566.392.777	681.987.898.082
Góp vốn trong năm	31.279.400.000	2.756.805.850	-	(6.706.255.275)	(15.513.644.725)	50.000.000	11.866.305.850
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	61.189.893.649	125.019.747	61.314.913.396
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.136.971.926	(4.136.971.926)	-	-
Trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 22)	-	-	-	-	(1.034.242.981)	-	(1.034.242.981)
Khác	-	-	-	(3.229.204.438)	48.980.693	(48.980.695)	(3.229.204.440)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2020	599.267.850.000	67.230.677.157	(620.000)	22.476.456.578	61.238.874.343	692.431.829	750.905.669.907
Số dư, 1 tháng 1 năm 2021	599.267.850.000	67.230.677.157	(620.000)	22.476.456.578	61.238.874.343	692.431.829	750.905.669.907
Tăng vốn góp trong năm	29.963.000.000	-	-	-	-	-	29.963.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	77.492.298.832	112.897.642	77.605.196.474
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	18.371.662.303	(37.841.782.797)	(68.806.940)	(19.538.927.434)
Khác	-	-	-	(2.066.841.777)	(466.482.824)	(3.777.946)	(2.537.102.547)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2021	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	38.781.277.104	100.422.907.554	732.744.585	836.397.836.400

24. Vốn góp chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất tại ngày 13 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 629.230.850.000 đồng, được chia thành 62.923.085 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10,000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2021		31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.923.085	629.230.850.000	59.926.785	599.267.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.923.085	629.230.850.000	59.926.785	599.267.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.564.152	505.641.520.000	47.567.852	475.678.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	123.589.330.000	12.358.933	123.589.330.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.923.023	629.230.230.000	59.926.723	599.267.230.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.564.090	505.640.900.000	47.567.790	475.677.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	12.358.933	123.589.330.000	12.358.933	123.589.330.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Lãi kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	77.605.196.474	61.314.913.396
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	77.492.298.832	61.189.893.649
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	60.419.265	45.643.665
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.283	1.341

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Số cổ phiếu phổ thông đầu kỳ	57.704.795	44.439.850
Số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	2.996.300	3.127.940
Số cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	60.701.095	47.567.790
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.419.265	45.643.665

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VND, như sau:

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
Gốc nguyên tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	393.012	27.951

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng bán	1.617.724.582.956	1.209.867.754.823
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.554.281.216	6.187.509.832
	1.629.278.864.172	1.216.055.264.655

27. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	6.378.772.612	3.856.693.266
Hàng bán bị trả lại	8.246.769.535	9.530.167.737
	14.625.542.147	13.386.861.003

28. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.322.821.096.108	947.416.331.952
Giá vốn dịch vụ	368.492.177	368.492.177
	1.323.189.588.285	947.784.824.129



29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.017.653.799	5.063.895.631
Lãi từ hợp tác đầu tư	6.095.573.392	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.144.831.090	3.558.942.568
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	24.258.058.281	8.622.838.199

30. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	32.071.214.049	41.526.044.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.803.301.066	3.117.812.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.349.053.931	6.515.075.105
Dự phòng giảm giá đầu tư (hoàn nhập)/trích trong kỳ	466.905.406	(132.143.518)
Lỗ chênh lệch thoái vốn các công ty liên kết	708.700.000	-
Chi phí tài chính khác	1.799.982.373	2.612.203.640
	42.199.156.825	53.638.992.207

31. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	7.022.854.163	6.043.167.676
Chi phí nguyên vật liệu	705.375.690	3.968.415.513
Chi phí khấu hao	136.545.516	151.703.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.077.746.036	80.908.389.714
Chi phí khác	4.900.109.990	4.907.254.378
	147.842.631.395	95.978.931.097

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	10.969.786.365	18.747.012.432
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	367.473.902	566.769.897
Chi phí khấu hao	5.264.761.713	5.284.526.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.304.989.395	4.354.136.941
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	333.192.658	5.676.501.456
Chi phí khác	13.515.067.810	12.941.691.083
	34.755.271.843	47.570.638.784

33. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	591.123.636.593	523.317.009.847
Chi phí nguyên vật liệu	60.574.370.059	71.068.081.044
Khấu hao và phân bổ	23.894.367.399	22.940.541.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.224.181.988	162.985.142.823
Chi phí khác	30.308.268.453	44.833.235.605
	897.124.824.492	825.144.010.795

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) chung là 20% áp dụng kể từ năm 2016. Công ty CP Nafoods Group và các công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển giá trị gia tăng Nông nghiệp và Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế từ thực hiện dự án đầu tư sản xuất giống chanh leo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2014-2017) và giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo (2018-2026). Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động.

Bảng đối chiếu giữa lãi kế toán và lãi tính thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.423.203.934	65.090.415.110
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	3.906.019.865	16.284.698.728
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ tiền và các khoản phải thu	2.655.749.325	1.099.156.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước đã thực hiện trong năm nay	(493.021.641)	(697.575.634)
Chi phí thuế GTGT tương ứng với doanh thu không chịu thuế hạch toán vào chi phí theo số đã nộp lại hoàn và theo biên bản thanh tra	(2.332.488.166)	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty con đã nộp thuế TNDN	(34.334.662.894)	-
Cộng lại lãi/(lỗ) từ các giao dịch nội bộ đã bị loại trừ khi hợp nhất	-	26.176.538.547
Thu nhập chịu thuế trước khi bù trừ với lỗ	60.450.320.569	107.953.233.684
Lỗ thuế các năm trước mang sang của Công ty mẹ	-	(3.075.567.347)
Lỗ thuế các năm trước mang sang của các Công ty con	-	(14.265.302.410)
Thu nhập chịu thuế	60.450.320.569	90.612.363.927
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập chịu thuế của Công mẹ với thuế suất 20%	26.068.726.968	24.163.589.820
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 5%	18.377.333.466	43.071.660.952
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 10%	39.002.687.972	21.561.090.958
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 20%	9.662.808.588	3.203.715.877
Lỗ thuế của các Công ty con	-	(1.387.693.680)
Chi phí thuế thu TNDN của Công ty mẹ với thuế suất 20%	5.213.745.394	4.832.717.964



Chi phí thuế thu TNDN của các Công ty con với thuế suất 5%	918.866.673	2.153.583.048
Chi phí thuế thu TNDN của các Công ty con với thuế suất 10%	3.900.268.797	2.156.109.096
Chi phí thuế thu TNDN của các Công ty con với thuế suất 20%	2.046.669.312	640.743.175
Chi phí thuế TNDN được khấu trừ	(275.660.002)	-
Giảm thuế của Công ty con	-	(838.297.866)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	818.218.686	24.855.380
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.622.108.860	8.969.710.797

Việc xác định thu nhập chịu thuế, lỗ tính thuế và tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ và các công ty con có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả của việc kiểm tra và phê duyệt bởi các cơ quan thuế địa phương.

35. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
			VND	VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Bên liên quan	Chi phí gia công	24.554.125.910	26.595.145.170
		Chi phí lưu kho	560.556.000	-
		Doanh thu cho thuê máy	2.801.136.958	31.200.000
		Mua hàng hoá	57.717.720.600	-
		Lãi tiền cho vay	-	265.503.993
		Mượn tiền	-	492.298.132
		Nhận thanh toán tiền cho vay	-	4.578.442.359
		Doanh thu bán hàng hóa	1.116.459.298	110.202.406
		Chi phí thuê chuyên gia	768.625.000	724.411.054
		Mua tài sản	9.305.454.547	-
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua công cụ dụng cụ	2.525.400.526	-
		Đặt cọc dự án nhà máy dứa	60.000.000.000	-
		Mua nguyên vật liệu	242.017.980	301.134.850
		Doanh thu bán hàng hóa	12.241.193.697	-
		Lãi từ cho vay	6.603.183	6.621.275
Công ty Cổ phần Anacardium Foods	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-
		Trả hộ	290.850.000	-
		Thoái vốn	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng hóa	13.676.580	8.390.149.000
		Mua nguyên vật liệu	12.569.557.500	32.405.357.588
		Mua hàng hóa	3.243.247.000	2.164.072.000
		Chi phí gia công	548.076.711	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 10, 17, 20.

36. Báo cáo bộ phận

36.1 Theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh thương mại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày.

36.2 Theo lĩnh vực địa lý

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Miền Nam VND	Miền Bắc, Miền Trung VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	423.088.959.076	52.704.136.177	1.138.860.226.772	1.614.653.322.025
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.644.603.660	43.079.857.158	910.465.127.467	1.323.189.588.285
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.444.355.416	9.624.279.019	228.395.099.305	291.463.733.740

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Miền Nam VND	Miền Bắc, Miền Trung VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.071.463.545	74.232.761.166	892.364.178.941	1.202.668.403.652
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.514.570.511	69.418.630.050	709.851.623.568	947.784.824.129
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.556.893.034	4.814.131.116	182.512.555.373	254.883.579.523

37. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên	Chức vụ	Thù lao của HĐQT VND	Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Tổng cộng VND
			VND	
Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	1.220.000.000	666.303.181	1.886.303.181
Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch thường trực	500.000.000	-	500.000.000
Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	260.000.000	-	260.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	120.000.000	-	120.000.000
Điền Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT	20.000.000	-	20.000.000
Ryan Walter Galloway	Thành viên HĐQT	40.000.000	-	40.000.000
Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	40.000.000	-	40.000.000
Dung T. Trung	Thành viên HĐQT	920.000.000	-	920.000.000
Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	-	-	-
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	12.000.000	-	12.000.000
Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	8.000.000	-	8.000.000
Hồ Quốc Công	Thành viên Ban Kiểm soát	8.000.000	-	8.000.000
Hồ Minh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-
Diệp Thị Mỹ Hào	Tổng Giám đốc	-	1.541.187.421	1.541.187.421
Tổng cộng		3.768.000.000	2.207.490.602	5.975.490.602



Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tên	Chức vụ	Thù lao của HĐQT	Tổng thu nhập của Ban Tổng giám đốc	Tổng cộng
		VND	VND	VND
Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	730.000.000	1.123.314.167	1,853,314,167
Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch thường trực	240.000.000	-	240.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	240.000.000	-	240.000.000
Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	160.000.000	-	160.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	55.000.000	-	55.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	90.000.000	-	90.000.000
Điền Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT	-	-	-
Ryan Walter Galloway	Thành viên HĐQT	204.000.000	839.525.000	1.043.525.000
Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT	90.000.000	-	90.000.000
Dung T. Trung	Thành viên HĐQT	690.000.000	-	690.000.000
Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	20.000.000	-	20.000.000
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	45.000.000	-	45.000.000
Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	36.000.000	-	36.000.000
Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	14.000.000	-	14.000.000
Hồ Quốc Công	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	-	24.000.000
Hồ Minh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	10.000.000	-	10.000.000
Diệp Thị Mỹ Hào	Tổng Giám đốc	-	1.541.243.750	1.541.243.750
Tổng cộng		2.648.000.000	3.504.082.917	6.152.082.917

38. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, có những giao dịch không bằng tiền chủ yếu như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	442,414,569	6.094.438.475
Cần trừ khoản cho vay và các khoản phải trả	1,564,986,925	3.362.148.935

39. Cam kết

Các khoản thanh toán theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Trong vòng một (1) năm	791.009.120	755.093.923
Trong vòng hai (2) đến năm (5) năm	3.164.036.479	3.916.209.025
Từ năm (5) năm trở lên	9.247.557.096	7.149.871.510
	13.202.602.695	11.821.174.458

Ngoài các khoản cam kết thuê hoạt động nêu trên, trong năm Công ty đã chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, công ty con, triển khai đánh giá và nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước dừa cô đặc tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An từ Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. Thời gian dự kiến cho việc hoàn thành chuyển nhượng nhà máy dừa cô đặc vào cuối năm 2022.

40. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

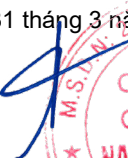
Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tập đoàn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022


Diệp Thị Mỹ Hào
Tổng Giám đốc



Đặng Thị Loan
Kế toán trưởng



Phan Văn Đồng
Người lập



**Nafoods
Group
JSC.**

(E) info@nafoods.com

(T) +84 2383 532 632

(W) www.nafoods.com

(A) 47 Nguyen Canh Hoan Street,
Vinh City, Nghe An Province,
Viet Nam